Năm thứ hai — Số 53
Tuần - lễ từ thứ tư 1
đến thứ ba 7 Juillet 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

Trong số này :

Nhà văn với nhà báo, học-giả với nghệ-sĩ, khác nhau thế nào? — Tra nghĩa chữ nho (VII) — Thơ Đương ở Nhật-Bản (II) — Những ông nghè triều Lê (XXVI) — Việt-nam văn-học sử (XXIX) — Ban-mê-thuột (lữ-ký, I) — Dân Thổ-nhĩ-kỳ ở nước Nga (Thời đàm) — Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XXX) — Phê - bình « Đồng - bịnh » — Túy hứng — Trúc mai sum - họp (II). — Ngó qua phòng Triển - lãm ở Sài-gòn

GIÁ BÁO

Mỗi số	1 năm	6p80
16 xu	6 tháng	3.50
	3 —	1.80

Muốn trở nên một ngòi bút có giá trị thật,

NHÀ VĂN VỚI NHÀ NGHỆ-SĨ, KHÁC

TRONG bài thủ-tục làm thành tờ báo ở xứ ta» đăng Tri-Tân số 52 trước, tôi đã có nói: «Nghề làm báo ở xứ ta mới xuất hiện được độ hơn 70 năm nay ...»

Thế là trong khoảng ngót một thế-kỷ nay, nghề làm báo đã nghiễm nhiên được liệt làm một «kỹ-nghệ» chuyên-môn chế-tạo ra sản-phẩm tinh-thần.

Báo-chí đã là một nghề tất nhiên phải có nhiều người làm nghề ấy và sống bằng nghề ấy.

Song, trong «thế giới» cầm bút của ta sở dĩ từ xưa tới nay ít mọc được ngôi sao sáng, là vì phần đông không biết nhận chân cái sở-năng của mình.

Binh-pháp có câu: «tri bỉ, tri kỷ, bách chiến, bách thắng». Nghĩa là biết sức mình, biết sức người, trăm trận đánh, trăm trận được. Câu đó chẳng những là tiếng ngữ của nhà binh, mà cũng lại là châm-ngôn của kẻ cầm bút nữa.

∴

Ở ta, có lắm người tưởng lầm rằng, trong nghề viết văn, viết báo, mình có thể biết hết các thể tài, làm được đủ mọi việc, từ phê-bình đến nghị-luận, từ khảo-cứu đến tiểu thuyết, thơ-ca, từ bài nghiêm trang đến những lối văn trào-phúng hài-hước, thôi thì mặt gì cũng viết, làm như những ông «thánh con».

Tưởng thế, là lầm. Vì thực ra mỗi người chỉ có một vài cái sở năng. Nếu làm cho những cái sở-năng ấy được phát triển một cách rộng lớn, đầy đủ, đã là giỏi lắm rồi.

Nếu chỉ có thiên tài về thơ ca, lại không biết mở-mang cái thiên tài ấy, trở lăn-lộn vào nghề báo, viết những bài văn xuôi như một mớ bè ngổ bè dừa, lời lẽ lủng củng, ý nghĩa tối mò, khiến người đọc có cái cảm-tưởng như ăn phải bữa cơm nếp nát!

Đã ôm cái quan-niệm hiểu sai về thơ, không biết tí gì về văn vần, lại đi phê bình thơ-ca của người khác: thế chẳng những không giúp được chút ích gì cho nhà thơ bị phê-bình, mà lại chỉ tỏ ra mình bất tự lượng, quá làm ra «ta đây kẻ giỏi», dễ chác lấy cái tiếng «múa rìu trước mắt thợ đánh trống qua cửa sấm».

Lắm người không có sở-trường về tiểu-thuyết, không có luyện-tập và từng-trải về món ấy, thế mà thấy người khác viết được dư-luận hoan-nghênh, liền từ địa hạt khác đâm bổ vào, cũng làm truyện ngắn, cũng viết truyện dài: thôi thì đủ cả vai chính, vai phụ, ly hợp, hợp ly, nhưng rút lại nó chỉ là một bát «hồ-lốn», chẳng có giá-trị gì về mặt nghệ thuật cả. Thành thử chỉ làm phí giấy, phí mực, những sản-phẩm ấy chẳng mang lại cho tác-giả nó một thành-công gì!

Trào-phúng, hài hước là những món không phải ai ai cũng viết hay được. Nó chỉ nên để phần những ngòi bút nào có biệt tài về khoa bỡn cợt, khéo dùng những tiếng lộng ngữ, những lời bóng gió, những ý mỉa mai, những chữ trùng-điệp nhiều nghĩa, khiến người đọc đến thấy nó như ẩn, như hiện, như thực, như hư, như không, như có, như không như cô xuân nữ có duyên, như món ăn đã nhai hết mà vẫn còn vô cùng dư vị ...

Hài hước? đã không khéo, lại vô duyên, tất dễ sa vào vòng nhả nhớt tục tằn, làm cho người đọc phải thốt ra mấy tiếng phê-bình cộc lốc: «Đồ ba que!» Nếu ai «vẽ cọp, không thành» chắc được những tiếng phê-bình như thế thì chỉ có cách khôn ngoan hơn là, đừng đả-động đến món hài hước nữa.

Khốn nỗi người đời không biết xét mình, cứ hay lăn vào con đường dẫn đến cái nạn «tự sát», nên trên mặt nhiều tờ báo gần đây, người ta thường thấy đặt bừa, dưới những đầu đề chữ lớn «trào-phúng» hay «hài hước», những bài hoặc văn vần hoặc văn xuôi chẳng có tí gì đáng gọi là «hí-hước» hay «trào-phúng cả, ngoài một vài chữ «hóm hỉnh» gọi là...

Thơ? Món đó đáng lẽ chỉ nên dành riêng cho những thiên tài nào được phú bẩm dồi dào một tâm-hồn thơ, có khiếu riêng về

cần phải nhận chân chỗ sở năng của mình

BÁO, HỌC-GIẢ VỚI NHAU THẾ NÀO?

HOA-BẰNG

thơ, sở thích, sở trường về thơ. Đằng này lại không, nhiều người cho thơ là một môn rất dễ làm, hễ ai biết ghép vần một chút là có thể trở nên thi sĩ được hết! Thảo nào :

Tôi ghép vần,
Anh ghép vần,
Nó ghép vần,
Chúng tôi ghép vần,
Các anh ghép vần,
Chúng nó ghép vần...

Người ta muốn xô cả nước Đại Nam thành «thi sĩ hóa».

Nhưng rút cục ra sao? Chỉ mua được tiếng mỉa mai của người ngoại quốc : «Sĩ phu nước Nam ưa thích ngâm vịnh, nhưng phần nhiều đặt không thành câu!»

Phải, có lắm người đáng lẽ chỉ nên viết những bài nghị-luận bằng văn xuôi, khảo-cứu theo phương-pháp khoa-học : thế cũng đã đủ chiếm một địa-vị quan-trọng trong văn-học-giới lắm rồi, sao lại còn cứ xông vào địa-hạt thơ, nay viết một bài Đường luật, mai thảo một thiên lục bát..., làm thêm những việc không «chuyên trị», không hợp với bản năng mình?

Sở dĩ có nạn đem mộng tròn lắp vào mẹo vuông như thế, là vì lắm người quá giàu lòng tự-ái, không chịu nhận chân chỗ sở năng của mình mà đặt nó vào một nơi xứng-hiệp và nhằm đường!

Vậy thì những người mà ta thường gọi là nhà văn, nhà báo, học-giả, nghệ-sĩ... đó có những chỗ khác nhau như thế nào?

Theo tôi, một nhà báo phải là người hoạt động, phải tiếp-xúc lăn-lộn với đời. Phải biết qua mọi phương-diện từ mặt phải đến mặt trái đời; phải sáng tai nghe và rộng mắt trông. Nói đến vấn đề nào, tuy không biết được thâm-thúy, nhưng cũng phớt qua được cả.

Những bài do ngòi bút nhà báo viết ra có một lối riêng của văn viết báo (style journalistique). Nó phải đanh thép, phải «hợp luận lý» (logique), phải hợp thời, phải thiết thực. Những lối «khai, thừa, chuyển, hợp» không cần lắm, đối với một bài báo, bằng thực tại, sáng việc, quán-xuyến lý sự, hoạt và nhanh.

Một nhà văn phải đọc nhiều, suy-nghĩ nhiều và viết nhiều. Có thể ở riêng một chỗ nếu không phải là cái «tháp ngà», cũng gọi là yên lặng, êm-đềm đôi chút, rồi đưa mắt ngó ngoài cửa sổ, nhà văn nhìn ngắm bông hường, óng-ánh trong làn sương sớm, đang chím-chím cười. Nhờ cái nguồn cảm-hứng ấy, nhà văn viết ra những bài có tính-cách bỡn mây, cợt gió, tô-điểm non sông. Hoặc cao hơn, nhà văn, sau khi nhận xét cuộc đời bằng cặp mắt quan-sát đúng chắc và thấu-triệt, kiếm đủ tài-liệu, tham khảo các sách cổ, kim, đông, tây, bấy giờ mới ngồi yên một chỗ tùy ý mà viết về một vấn-đề nào mình đã lựa-chọn : hoặc giáo-dục, hoặc xã-hội, hoặc chính-trị, hoặc kinh-tế, v. v.

Một bài văn thường có tính-cách vĩnh-viễn hơn một bài báo có vẻ nhất thời. Đã bàn-luận về một vấn-đề gì, một bài văn, ngoài cái «cốt vững-chãi» của nó ra, lại phải khoác thêm chiếc «áo đẹp» làm cho phần hình-thức được tôn thêm nữa.

Một bài văn hay, không thể là một bài chỉ chồng-chất bằng từng mảnh tài liệu quí giá, không có dầu mỡ làm cho trơ-chu bong-bay, không có hoa hòe hoa sói làm cho văn-vẻ mỹ-miều, không có sol tỉa chạm-trổ làm cho vui mắt, không có âm-nhạc nhịp-nhàng tiết cau làm cho êm tai...

◆

Nhà học-giả khác hẳn nhà nghệ-sĩ. Một đằng như cây gỗ lim để làm cột nhà; một đằng như bông hoa đẹp để trang-hoàng phòng khách

Đã là học-giả thì phải uyên-bác uẩn-súc, học phải rộng, biết phải sâu. Tuy không viết tiểu-thuyết, không làm thơ ca, nhưng phàm lịch-sử tiểu-thuyết, thể-tài thơ-ca thế nào, nhà học-giả biết rất tỏ-tường, nói rất thông-thạo vanh-vách.

Nói về một vấn-đề gì, nhà ấy cũng vin cổ, dẫn kim, nuốt Âu, nhả Á, thao-thao bất tuyệt dưới

ngòi bút đứng-đắn vững-vàng.

Vì đã khảo-cứu về môn hội-họa ở các sách, báo, nhà ấy có thể giải-thích thế nào là lối vẽ đông-phương, thế nào là lối vẽ tây-phương hoặc lịch-trình tiến-hóa của nền mỹ-thuật thế-giới thế nào... Nhưng, giả đưa cho một tờ giấy trắng, một ngòi bút lông, một hộp thuốc màu xanh đỏ mà bảo :

— Nhờ tiên-sinh vẽ giùm cho em bé nhà tôi một tấm tranh con chuột ?

Tất nhà học-giả phải ngập ngừng trả lời ;

— Tôi không vẽ được !

Một nghệ-sĩ, trái lại, không cần phải có cái học-thức uyên-thâm như nhà học-giả, không cần phải thâu ngày suốt tháng vùi đầu trong đống sách bụi phong, song chỉ cần có thiên-tài, có hoa tay, cũng có thể đi đạt được đến cái đích trên đường nghệ-thuật.

Một bức tranh mỹ-thuật tuyệt xảo, một pho - tượng điêu - khắc công - phu có khi cũng chẳng kém giá - trị một danh - tác về triết-học hay văn-học...

Nhân cái lệ đó mà suy ra, nhà tiểu-thuyết và nhà thơ cũng được đặc cách, vượt ngoài lề - lối thường như thế. Họ có thể lấn bực mà nhảy lên cao được.

Về phần tiểu thuyết và thơ ca, chỉ cần thiên tài và từng trải.

Nếu anh có tài « bảy bước nên thơ », làm những bài đẹp lời, đẹp ý, hoàn toàn về mặt nghệ thuật, thì anh có thể nhận được vòng hoa hoan nghênh rực rỡ, những lời ca tụng sôi nổi, ồn ào. Thế là anh đã thành công trong đời thi sĩ. Chúng tôi không cần hạch hỏi anh sao không có bằng cấp nọ kia, học lực cao thâm gì cả.

Chỉ vì người mình phần nhiều hiểu lầm về nghệ thuật, nên thường hay cầu toàn trách bị trong một nghệ sĩ :

— Anh ấy chưa ráo máu đầu !

Hoặc :

— Anh ấy, trình độ học chưa qua bực sơ đẳng !

Có cần chỉ phải khắc trách như vậy ! Vì nghệ sĩ có phải là nhà học giả đâu.

Vậy, trước khi muốn phê bình nhau, ta cần phải cố hiểu lẫy nhau đã.

Ở xứ ta, nghề báo cũng như nghề văn, sở dĩ thua kém người ta, một cớ chính cũng vì nhiều nhà cầm bút không biết nhận chân chỗ sở năng mình trước khi bước vào nghề mình định phụng sự. Lại nguy nhất là thường hay làm sam nhiều việc, không chịu chuyên chú vào một mặt nao hợp với khiếu mình và tai mình

Một cây bút chữ nghĩa « lốp lép » dám gạt mình, lừa người, mạo muội chủ trương « tả sách

Xem tiếp trang 23

TUẦN LỄ TRIỂN LÃM

BÁO - SÁCH

VÀ ẢNH CÁC VĂN NHÂN THI-NHÂN VIỆT-NAM

TẠI NHÀ SÁCH NGUYỄN KHÁNH-ĐÀM

12, Phố Sabourain — SAIGON

TỪ 11 JUILLET ĐẾN 18 JUILLET 1942

— *Những tờ báo tiên phong in bằng quốc-văn ở xứ mình*
— *Những Sách, Báo, Tạp - chí xưa và nay.*
— *Những Sách, Báo xưa rất qúy mà hiện nay tìm không thể có*
— *Những loại sách đẹp, in bằng giấy đặc biệt không có bán*

MỘT TUẦN LỄ TRIỂN LÃM CÓ TÍNH CÁCH BIỂU DIỄN TRÌNH ĐỘ VĂN-CHƯƠNG VÀ BÁO CHÍ

Một công trình gom góp trong nhiều năm. Bày trong một tuần lễ. Sẽ làm vừa lòng các bạn yêu văn chương mãi mãi.

Từ 11 đến 12 juillet = để riêng cho các bạn nhà báo nhà văn
Từ 13 — 18 — = cho các bạn yêu Sách Báo

Nên mua Sách Báo ở chi nhánh của nhà sách Nguyễn khánh-Đàm « Quán Sách Autobus » góc đường Espagne và Schrseder.

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 7

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

V. — Chữ đ (bài nối)

Ở trang 76 quyển *Tầm nguyên từ điển*, ông Lê văn Hòe nói chữ «*đài* nghĩa là đem từ nơi này đến nơi khác ; *đài-tải* là khuân vác chở chuyên từ nơi này đến nơi khác». Phải theo *Từ-nguyên* chữa là hai người giở lên cùng cất một vật gì gọi là *đài* lưỡng nhân dĩ thượng công cử vật viết đài, ta gọi thế là khiêng chở, không ai gọi là khuân, vác.

Cũng ở trang 76, ông Lê văn Hòe nói chữ « *đặc* nguyên nghĩa là lễ tế có làm thịt độc một con trâu». Tự-vị Khang-hi cắt nghĩa *đặc* là con trâu và dẫn câu « Lễ giao đặc sinh chú» : câu ấy kinh Lễ ở thiên tế giao chua như sau này : « Giao là tên tế Giời, dùng một con trâu gọi là *đặc-sinh* » *Từ-nguyên* gọi *đặc* : 1. là trâu đực mẫu ngưu giã ; kinh *Thư* có câu : «Cách vu nghệ-tổ dụng đặc » tế tổ các nghề dùng trâu đực ; — 2, một giống súc nhất sinh viết đặc : kinh Lễ chép « Thứ nhân đặc đồn, sĩ đặc thỉ » kẻ thường dân dùng lợn con, kẻ sĩ dùng lợn nhớn ; — 3, muông thú ba tuổi thú tam tuế viết *đặc* : kinh *Thi* chép « Hồ chiêm nhĩ đình hữu huyền đặc hề ? » Sao chẳng xem sân nhà ngươi có treo muông đặc vậy ?, v. v. Đứng một mình cũng gọi là *đặc* đĩnh lập viết đặc : kinh *Lễ* chép câu « Đặc lập độc hành » đứng một mình, đi một mình.

Ở trang 76, dưới chữ *đầu cơ*, chữa chữ *đầu* thủ bên chữ ngải, và cắt nghĩa theo *Từ-nguyên* như thế này : « Người đi buôn xem cơ-hội, ném tiền ra mua để cầu lợi, như vật gì giá sắp cao thì mua trước để đợi giá cao, nhân thế được lợi, nhưng cũng có lúc bị thiệt hại lớn».

Ở trang 78, dưới chữ *đầu lâu* ông Lê văn Hòe nói chữ « *độc lâu* nghĩa là cái xương đầu người chết. ., mà hiểu đầu-lâu là cái đầu người là hiểu lầm » Ông không nói tại làm sao ; nhưng cứ theo tự vị Khang-hi thì *độc lâu* là đỉnh đầu, độc-lâu đỉnh giã, theo *Từ-nguyên* thì là đầu người chết tử-nhân thủ giã.

Cũng ở trang 78, dưới chữ *đế vương*, nên cắt nghĩa *đế* là vua, coi cả thiên-hạ quân giã vương thiên-hạ chi hiệu, như Tam-hoàng Ngũ-đế. Vị thần tôn-sùng cũng gọi là đế, như Bạch-đế, Xích - đế *Đế* còn nghĩa là giời thiên giã : kinh *Thi* có câu « Đế mệnh bất vi » mệnh giời chẳng trái, *Vương* là vua, là chúa quân giã, chủ giã, thiên-hạ đều theo : đời Tam - đại, duy người có thiên-hạ mới xưng vương, còn những vua nước Sở, nước Ngô mà xưng vương đều là tiếm-xưng lạm - xưng. Từ đời Hán trở muống, quân - chủ xưng hoàng-đế ; hoàng tộc và công thần thì phong tước vương. «Tần Thủy hoàng, khi mới thôn tinh được thiên hạ, tự cho đức mình gồm ba đời hoàng, công mình hơn năm đời đế, bèn đổi hiệu là hoàng-đế .. Hồ-trí Đường bàn rằng : « Đứng thánh-nhân đời xưa, nhân thời xưng hiệu vua, có khi xưng hoàng, có khi xưng đế, có khi xưng vương, không phải là đế kém hoàng, vương kém đế. Đời Tần sao không hiểu nghĩa ấy, lại lấy hoàng-đế làm tôn-xưng, coi vương là bậc kém, đem phong cho thần-tử, thật là lỗi lầm ! Vương là gì ? Là tên gọi người nối giời yên dân; như thế mà đem gọi những kẻ thần tử được ư ? » *Thiếu vi thông giám tiết yếu đại toàn*, sách Bác-cổ số 2452 quyển 2, tờ 9b Xem như thế thì chữ *đế vương* có hai nghĩa : một là Tam - hoàng hay Tam-vương Ngũ đế về đời xưa ; hai là vua Trong dân - gian cũng có danh-từ *đế - vương*, nghĩa là phong lưu thỏa-thích.

Ở trang 78 dưới chữ *điển-hình*, nên chua rằng chữ *hình* đi với chữ *điển* viết được hai lối : một chữ hình là phép tắc, một chữ hình là khuôn - mẫu ; chữ này có chữ thổ ở dưới; *Từ nguyên* cắt nghĩa *điển hình* là phép thường vi thường hình giã. Kinh *Thư* có câu « Tượng dĩ điển hình » : Mã-Dung cắt nghĩa là: « Cao - Dao chế phép hình ngũ thường, không ai phạm đến : chỉ có đồ làm tội, không có người bị tội » Kinh *Thi* có câu «Tuy vô lão thành nhân, thượng hữu điển-hình ». Dầu không người lão-thành, còn có điển hình. *Từ nguyên* chua nghĩa là «còn có việc thường, cho nên phép tắc, có thể theo đó mà dùng ». Trong sách *Hậu hán thư*, có truyện Khổng-Dung chép rằng :«Dung cùng Thái Ung quen nhau ; sau khi Thái Ung mất, có người lính hồ-bôn mặt giống Thái - Ung : mỗi khi Khổng-Dung uống rượu say, dắt đến cùng ngồi nói rằng : « Tuy vô lão thành, còn có, điển hình. là nghĩa *di phạm* nghĩa là phép tắc còn sót lại chép theo *Từ nguyên*,

Ở trang 85, nên chữa chữ *đinh vi* là cha mẹ vị phụ mẫu giã : chữ *Từ nguyên*. Thơ của Thúc tích có câu : «Quyến luyến đinh - vi tâm bất hoàng an» Nhớ mến cha mẹ

lòng chẳng bao giờ yên. Ở chỗ, chữ *vi*, *Từ nguyên* cũng dẫn câu thơ của Thúc Tích, nhưng lại cắt nghĩa là nhà của đứng thân : xem nghĩa thứ ba chép dưới này. *Vi* một nghĩa là cửa nách ở trong cung ; sách *Độc đoán* chép cửa đông, cửa nam là *môn*, cửa tây cửa bắc là *vi* Nghĩa thứ hai là trong cung, chỗ ở của hậu phi. Nghĩa thứ ba là nhà trong, tức là nhà của đứng thân xem nghĩa chữ đình-vi ở trên kia Nghĩa thứ tư là trường thi : thi hội gọi là xuân vi, thi hương gọi là thu vi chép theo *Từ nguyên*. *Luận ngữ* chép « đức Khổng tử thường đứng một mình ; ông Bá Ngư là con đức Khổng rảo bước qua sân chơi ở sân *đình* : đức Khổng dạy *huấn* về lối thi lễ ». Vì thế cha dạy con gọi là *đình huấn* phụ giáo vi đình huấn ; ông Lê văn Hòe lại cắt nghĩa «*đình huấn* là sự cha mẹ dạy con học ở trong nhà».

Ở trang 86, nên chua rằng chữ *đình chung* gọi ngược là *chung đình* cũng được, và cắt thêm một nghĩa là đồ dùng của nhà tôn miếu đời xưa, khắc tên vào để người có công. *Tam quốc chí* có câu : «công danh trước ư chung đỉnh danh xưng thùy ư trúc bạch » công nghiệp danh dự rõ rệt ở vạc và chuông, tên gọi để lại ở thẻ tre tấm lụa tức là sử xanh. Dùng nghĩa bóng thì *chung đỉnh* nghĩa là nhà phú quí : đời xưa bậc phú quí bầy vạc ăn, khi ăn đánh chuông, cho nên Vương Bột có câu : «Chung minh đỉnh thực chi gia».

Ở trang 87, nên thêm rằng chữ *đoài* cũng đọc là *đoái* ; một nghĩa là thẳng tên quẻ kinh *Dịch* chỉ phương tây, hai là đi đường suốt, ba là đổi trác, như chữ hối đoái change

Ở trang 88, nên cắt nghĩa chữ *đỗ quyên* : một là tên loài chim cuốc, cũng gọi là đỗ vũ, tử qui, tử quyên, thục hữu, thục đế, trên đầu mỏ hơi cong miệng to đuôi dài, lưng đen có sắc vỏi bụng trắng có một đường đen thẳng ngang, không tự làm tổ lấy, đẻ trứng ở tổ con oanh, con oanh ấp trứng nở con, tiếng kêu thê thảm, hay đông lòng lữ khách nhớ nhà, hay ăn giống sâu có lông *có ích cho rừng rậm* ; — hai là cây thường xanh, cao ba bốn thước, lá tròn xanh dâm cuống lá đầu có lông, mà bè nở hoa đỏ tía thỉnh thoảng có sắc trắng, đầu hoa như hình cái đấu, có 5 khía rất sâu, thường nở về mùa cuốc kêu, cho nên đặt tên là cây đỗ quyên. — Sách *Cầm kinh* chép « Chim tử qui chim thục hữu gọi đỗ vũ » Đỗ Vũ là tên vua Thục đời xưa. Sách *Hoa dương quốc chí* chép : «Khi bảy nước xưng vương thì đỗ vũ xưng đế, gọi là Vọng đế, hoặc Bồ ti, tự cho là công đức cao hơn các vương lấy hang Bao tả làm cửu trước, núi Hùng nhĩ, Linh quan làm ngõ sau núi Ngọc lũy, Nga mi làm thành quách, sông Giang tiềm, sông Miên lãc làm ao chằm lấy núi Vấn-sơn làm chỗ chăn nuôi, đất Nam trung làm vườn. Gặp bấy giờ có nạn *nước lớn tràng* là Khai Minh khoi đường núi Ngọc lũy để trừ nạn lụt. Đỗ vũ bèn giao tất cả chính sự, bắt chước phép truyền hiền *thiên thụ nghĩa* của Nghiên Thuấn, bèn truyền ngôi cho Khai Minh, rồi Đỗ Vũ lên ẩn ở núi Tây sơn. Bấy giờ về tháng hai chim tử quyên kêu, cho nên người nước Thục lấy làm thương...» dịch theo quyển *Hoa dương quốc chí* của Bác cổ, số 542, quyển ba, tờ 1 b ; đoạn chép trong *Từ nguyên* là đoạn tóm tắt. Sách *Thành đô ký* chép : «Đỗ Vũ chết, hồn hóa làm chim tên gọi đỗ quyên, cũng có khi gọi là tử qui».

Ở trang 89, nên cắt nghĩa *đồn-điền* : một là quân đi thú làm việc khai - khẩn giồng - giọt ; sau nhân gọi những ruộng quân lính khai - phá là đồn - điền : — hai là tên chức quan. Đời Tấn có đặt chức đồn - điền thương - thư, sau lại gọi là điền-tào. Đời Đường đặt chức đồn-điền lang-trung và chức đồn-điền viên ngoại lang, thuộc về bộ Công, coi chính - lịch đồn-điền. Đời đời theo đó ; nhà Minh về sau gồm cả việc mồ-mả. Cuối đời Thanh bỏ chức ấy (chép theo *Từ-nguyên*) Nước Nam ta ngày xưa cũng có chức đồn - điền - sở phó-sở-sứ v. v., theo bộ *Lịch triều hiến chương* quyển Quan - chức thì trong Bảo - thái quan - chế 1720 - 1729 ngang với chánh-cửu - phẩm. Ông Lê văn Hòe nói « nước ta có đồn-điền từ đời Lê » Hồng - đức, 1470 - 1497, có lẽ nhầm, vì *Lịch triều hiến chương* quyển Quốc-dụng chí sách Bác-cổ số a 50, quyển 30, tờ 56 chép ở mục điền - thổ chí - chế như sau này : « Năm thứ mười đời Quang-thái nhà Trần tức là năm 1397 vua Trần Thuận-tôn 1388-1398 ban chiếu hạn các ruộng. Lúc bấy giờ các nhà tôn-thất thường sai đầy tớ ra các chỗ đất bãi bồ đắp đê, đắp đập ngăn nước mặn, hai ba năm khai-khẩn thành thực tức là ruộng đã chín, rồi ở đó, làm ruộng đất riêng. Đến đây tức là năm 1397 lập phép hạn ruộng, duy đại-vương và trưởng công chúa mới được khai khẩn ruộng vô-hạn, thứ nhân không được quá mười mẫu, còn thừa phải nộp quan....» «Năm Hồng-đức thứ nhất 1470 đời vua Lê Thánh-Tôn 1460-1497 định lệ cấp ruộng cho các quan viên, hạn

Xem tiếp trang 18

Thơ Đường ở NHẬT-BẢN

Số 2

của BÁCH-THẢO-SƯƠNG, Tiên-nữ

NHƯ trước đã nói về sự làm thơ ở nước Nhật, một người có thể làm đến những mấy vạn bài. Được nhiều như vậy là vì phần nhiều thường làm bằng hai thể thơ Đoản-ca (tanka) và Bài cú (haiku) là hai lối thơ rất ít chữ và rất dễ làm vì nó không có vận điệu bó-buộc như thơ Đường-luật của Tàu hoặc các lối thơ gieo vần của ta, cần phải có tiếng trong, tiếng đục.

Thơ Đoản-ca có 5 câu : câu 5 âm, câu 7 âm, câu 5 âm, câu 7 âm, câu 7 âm. Cả thảy 31 âm. Tính số âm-thanh, chứ không phải tính số chữ như thơ ta, thơ Tàu, vì tiếng Nhật-bản là thứ tiếng đa-âm như tiếng Tây-phương, mặc dầu vẫn viết chữ Hán như Tàu. Một chữ Hán, người Nhật có khi đọc ba, bốn âm-thanh, mới thành quốc-ngữ Nhật-bản.

Thơ Bai-cú thì như thơ Đoản-ca mà rút bớt hai câu song thất sau cùng, chỉ có ba câu trên, 17 âm mà thôi. Lối thơ này từ đời Mạc-phủ về trước gọi là thơ Bài-giai (Haikai) Rồi vì có một bọn người lợi-dụng lối thơ đó làm ra lời của kẻ ăn mày kêu van hàng phố, lời thơ lăng-nhăng hèn-hạ, làm mất tính cách thơ-ca đi, cho nên về khoảng Minh-trị sơ-niên, bọn thi-sĩ chính-tông như Chính-cương Tử-qui (Masaoga Siki) cải cách lối thơ đó lại, đổi tên là Bài-cú. Từ đó chữ « Bài-giai », (Haikai) không có trong thế-giới nước Nhật nữa.

Thơ bài-cú rất bình-dị. Đọc lên, nghe ra lạt-lẽo như không có nghĩa lý gì, mà đều có hàm một ý ngoại hoặc xa-xôi, hoặc bóng-bẩy rất tài-tình và thần-tình, có khi một tứ dí-dỏm khả ái, một ý-nghĩ tinh-xảo buồn cười.

Người đọc phải suy nghĩ và dụng công ý hội nhiều lắm mới khám phá được diệu xứ của bài thơ.

Dưới đây lược dịch một ít thơ lối bài cú. Đây là dịch lấy tứ thơ mà thôi, để cho dễ nhận.

1. — Sáng mai đã phải xuất-chinh rồi.
Chiều nay trời đẹp quá.
Vợ con quây-quần, trong lúc tối cạo râu,
Lim dim mắt lại để nghe mùi hoa cúc thoảng qua.

Là thơ tả tâm-trạng người lính sắp phải ra đi đánh giặc mà lòng vẫn vui-vẻ như thường trong lúc vợ con bận-bịu ra ý ngậm-ngùi. Anh vẫn còn nhớ đến sửa-sang cạo gọt cho sạch-sẽ, nhất là khi nghe mùi hoa thơm đưa đến, còn thấy mát-mẻ tâm-hồn. Sửa-sang đi đánh giặc mà như sửa-sang đi dự một cuộc khánh-hạ, một tiệc vui mừng.

2. — Súng đại-bác của địch quân bắn qua,
Gạch trên nền trời đêm như pháo bông hoa cải.
Tôi ngắm rực-rỡ như vệt Ngân-giang.

Là thơ tả tâm trạng tỉnh-tao của người lính ở mặt trận về đêm. Súng đại-bác bên địch bắn qua. Anh không lo trốn núp, anh không nghĩ đến tính-mạng mất còn trong giây-phút, mà tự-nhiên vui-vẻ đứng ngắm vẻ sáng đẹp của bông hoa lửa rực-rỡ trên nền trời, như mọi đêm thái-bình khác, anh ngửa mặt nhìn sông Ngân-hà vằng vặc.

3. — Trời mưa lũ.
Người Tàu lại phá vỡ
Đê sông Hoàng-hà !

Bài thơ ít chữ này thực là hay quá. Các bạn tất còn nhớ trận Nhật—Hoa đánh nhau hồi mùa hạ tháng sáu năm 1938. Binh Tàu đang lúc thua to, chạy đồ về nam, bị binh Nhật đuổi theo, thế rất nguy cấp ! Tướng Tàu, Tưởng Giới-Thạch, cho lệnh phá vỡ đê sông Hoàng-hà để ngăn sức tiến của địch quân.

Đã đánh binh Nhật có ngừng lại ít lâu, nhưng mà lương dân bách tính của Tàu bị nạn nước lụt hết sức thê thảm.

Người lính Nhật mục kích cảnh thương tâm đó có một ý nghĩ bất nhẫn :

Than ôi ! vì sông Hoàng hà thường gây ra nạn lụt lội mà phải đắp đê trị thủy, để ngăn tai vạ cho nhân dân. Gặp khi mưa lũ nước tràn, ai nấy cố sức ra công ngày đêm bồi đắp giữ gìn mà còn nơm-nớp lo âu. Đắp thêm không hết, nỡ nào lại phá đổ đi. Thực là một cảnh éo-le trái ngược biết chừng nào !

4. — Đêm đông sấm sét lưng trời,
Ma quỉ khóc,
Không rừng tợn bằng tiếng mẹ con
Ôm khóc trong lều tranh.

Người lính Nhật đếm đóng ở một làng nhà quê, bên chòi tranh, chứng kiến cảnh ngộ của mẹ con người chinh-phụ Tàu : Chồng đi đánh giặc chết, vợ con ở lại nhà đói lạnh, đêm đông rét mướt, ôm nhau rền-rĩ khóc than.

5. — Nước sông dơ bẩn quá,
Vốc lên uống ngon ngọt xiết bao,
Một trời thu cao trong xanh !

Mải theo địch quân, qua một con sông dơ bẩn, nhưng mà bụng thấy khát lắm, đành phải cúi xuống vốc một vốc, ngửa mặt lên trời uống một ngụm, lòng bỗng thấy mát-mẻ khác thường.

Vốc nước bùn dơ mà lòng thấy khoan-khoái, đó là cái khoan-khoái khi ngửa mặt lên khoảng không lồng - lộng, ực một cái, thấy như được nuốt hết cả vào lòng một trời thu thanh khiết.

6. — Đứa bé mới tập viết,
Viết bức thư đầu tên gửi cho cha ngoài mặt trận.
Bức thư còn nguyên gửi trả về.

Cảm-động biết bao, cảnh đứa bé con : mẹ nó mới dạy nó tập viết nguệch - ngoạc được mấy chữ gởi cho cha nó ở chiến-trường, tưởng là để cho cha nó thấy nét chữ của con thơ vui-mừng đỡ nỗi thương nhớ gia-nương ; nào ngờ đâu, bức thư không ai mở, lại gửi trả về nguyên cho nó ! Bởi vì cha nó đã chết trận rồi !

Trở lên, là những thơ trích dịch ở quyển *Thánh-chiến bài cú tập* của Hồ-Đào xã, và những thơ của quân sĩ viễn chinh.

Dưới đây còn một ít thơ thường.

1.— Con đường lên núi cheo-leo.
Không có người cùng theo.
Cảnh thu mộ !

Tác-giả bài thơ trên đây là Ba-Tiêu (Bashô), đại thi-sĩ thể thơ bài-cú ở cuối thế-kỷ thứ 17.

Thi-sĩ muốn nói con đường đạo học ví như con đường lên núi cao dốc cheo-leo, có chịu khó đi lên, càng lên cao càng thấy nhiều cảnh đẹp. Nhưng mà không mấy người biết chịu khó đi lên ! Lủi thủi một mình đi, ngó quanh ngó quất chẳng có người theo. Đìu hiu và vắng vẻ như cảnh vắng vẻ đìu hiu của chiều thu mộ.

2.— Bên chòm mây đen,
Một đóa hoa mai nhảy múa.

Là tả cái đẹp tóc đen da trắng dáng-điệu uốn éo của cô nghệ-giả (Geisha, như cô đầu của ta) vừa hát vừa múa. Bài này tôi chưa biết tác-giả.

3.— Tra vào cho một cái cán,
Thì nó sẽ là một cái « u-chi-oa » tuyệt đẹp.

Thi-sĩ Ba-Tiêu muốn tả vầng trăng tròn vành-vạnh như một chiếc *đoàn phiến* chưa tra cán. Cái « u chi oa » (uchiwa) của Nhật là một thứ quạt vành tròn, phất bằng sa lụa vẽ-vời, có cán, thứ quạt không xếp được.

Ấy đại - loại thơ bát cú, thơ đoản ca của Nhật giản dị thanh đạm là như thế.

Ví dụ có một người lính Nhật qua ở nước ta. Chỗ binh doanh đồn-trú, trước sau đều những quả núi xanh biếc quanh năm. Anh thương - hại cho quả núi. Anh làm thơ.

Anh Núi xanh kia ơi !
Quanh năm anh mặc mãi
Một chiếc « ô-bê-bê » xanh tươi.
Áo đỏ anh không có,
Áo trắng anh cũng không,
Tội nghiệp cho anh quá !
Tôi sẽ đem
Quả núi của Nhật - bản
Sang làm quà cho anh.

Thơ này thuộc về thể thơ *đồng dao* là lối thơ làm cho con nít ngâm hát chơi. Tứ thơ là tứ thơ của con trẻ, mà lời thơ cũng dùng những lời của con trẻ. Ví dụ trong bài thơ trên đây có chữ *« ô-bê-bê »* là tiếng của trẻ con nước Nhật gọi cái áo của mình.

Anh thi sĩ bé con nước Nhật lấy làm tội nghiệp cho « anh Núi Annam » quanh năm chỉ mặc mãi một màu áo xanh lè xanh lét. Không có chiếc áo đỏ dệt bằng lá mùa thu, không có chiếc áo trắng nhuộm bằng băng tuyết, không được có nhiều màu áo thay đổi như quả núi ở nước anh !

BÁCH THẢO SƯƠNG, Tiên nữ

Một kỳ sau :

Phần chính-cốt của bài đang viết : Thơ Đường - thi, thất ngôn tuyệt cú — trích dịch và dẫn giả — Tên tám thể thơ chính trong thi giới Nhật - bản.

Sách khảo cứu

Truyện đức Khổng - tử.— Thuật trọn đời hy-sanh và tận tụy về phong-hóa, đạo-nghĩa của đức thánh Khổng. Ngài là một mảnh gương học hỏi, cương quyết, thanh bạch. Trọn bộ 1 quyển : 1p.00

Mấy thầy tu huyền bí.— Ở Tây-tạng và Mông-cổ. Biên những cách luyện đạo của các nhà tu trì nơi non cao đồng vắng, những phép huyền linh của hạng người thắng phục thân tâm.

Trọn bộ 1 quyển : 1p.10

Gửi mandat thêm cước phí 0p.55

M. Đoàn-Trung-Còn

143 Rue Louvain Saigon

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 30 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CVII

Văn của phò mã Hựu tế vợ (1)

Than ôi ! Gác nhân - ngã dám còn kêu thiên-địa, cầu tử-sinh qua trước kéo sau ; nín quân thân chẳng nhẽ khóc phu-thê, gương li - biệt kẻ soi quen chẳng lạ. Nghĩ chi nỗi khi li khi biệt, trong cuộc tang thương ; nghĩ chi điều cái tử cái sinh, trong vòng tạo-hóa !

Giá Tần-nữ nưng-niu ngày lộng ngọc, tưởng khi ấy lựa cầu Như-ý, cái chim thấp - thoáng vẽ trên bình ; lòng mị-nương quấn-quít buổi mông-trần, vâng bấy giờ thương giọt cô-trang, bối chỉ ngập-ngừng trao trước giá. Miền Thang ấp ai ngờ kim thế-giới, hang tuyết bỗng mờ dấu việt hồ trên đầu từng khóc trộm non sông; chốn trúc-thôn nào biết lửa côn - cương, no đồng để cháy tiếng chuông, sa nước mắt những than lầm ngọc đá.

Đã nào thiên-ý để phiền lòng ; lại lúc nhân mưu làm bận dạ. Bếp Hán thuở tro tàn còn nhúm, lại buổi mây Tần gió Sở, chuốt gương loan chia đôi mảnh đôi đường ; thuyền Tống cơn gió dập còn chèo, hai bên thành Lạng sông ngâu, thương chồi lệ cháy một cành một lá. Ai ngờ nên bãi bể biển nương dâu ; cho đến nỗi lửa thành lây vũng cá ?

Trong một kỷ đứng ròm đuôi Bắc - đẩu, tưởng lại rụt-rè tù phát, uổng tấm lòng tinh-vệ buổi kêu thu ; vầy nửa canh ngồi ngắm dải đông-lưu, trở về rạo-rực tâm-can, oán từng giọt dỗ-quyên ngày khóc hạ. Thoi vàng bạc chót trao dòng thủy-quốc lẳng bên tai còn ngọc thốt vàng thưa ; chén sâm-nhung vừa đặt đáy ktm-lô, nâng trên án bỗng hoa tàn phấn rữa. Tơ giai-lão mới sáu thu mà dứt, nguyện trước dòng sâu đỉnh thẳm, nỡ nào mà để châm nửa chiếc, để gương nửa mảnh, để chăn nửa bức, để nệm nửa vuông ; chén bách niên vừa hai kỷ đã rời, giá xưa gác tía lầu son, cũng chẳng qua như hoa một cành, như nguyệt một vừng, như tuyết một hòn, như mây một đóa.

Bồi-hồi nào biết nợ hay oan ; áy - náy những bàn duyên với nợ ! Xuôi đốc giáo rắp trèo mây lên hỏi ả Chức, duyên xưa sao đấy còn cho ô-thước phải cộng-phu ; tuốt mũi gươm toan rạch xuống tìm nàng Dương, chuyện cũ có không phải nấy bạch-long làm chứng tá. Muốn mà bàn những sự viền-vông ; thương nào biết bao giờ khuây-khỏa ! Gươm ân-ái ai mài lem-lém, để cắt riêng bản mệnh sợi thanh-nồng ; ngựa quang âm ai đấm đùng-đùng, làm làm lây cả tấm thân con bạch-mã !

(Trích ở quyển *Lệ ngữ văn tập*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 166, tờ 5a-6b.

CVIII

Vịnh nhật-quang thi

Trên chính đương dương vốn tự-nhiên,
Bốn mùa bình diêu tỏ càn viên
Lửa dương tán ngọc hằng in dãi,
Dòng khứ hơi âm chẳng bợn bên.
Lồng lộng nhân la nhuần hải vũ,
Lầu lầu đức sáng khắp sơn xuyên.
Xưa sau thấy đấy làm khuôn phép,
Muôn việc dầu ta chưởng đại quyền.

CIX

Vịnh minh-nguyệt thanh-phong thi

Bích hán rành rành ngọc thái quang,
Thổi đưa đợt đợt chính phiêu dương,
Tỏ soi thu tóm sơn hà ảnh,
Hải lọt lừng xông cầm tú hương,
Đắt chước gã Chu khi thắng thưởng
Thỏa lòng người Điềm thuở thừa lương.
Sáng cao thông suốt ngoài hoàn hải,
Lưu loát luân phiêu đến tám phương.

CX

Vịnh cảnh-tinh thi

Từ nẻo sinh nên hợp ngũ hành,
Tinh hoa sẵn có cấn dương vinh.
Rành rành dãi tỏ trung thiên tượng,
Lồ lộ cao giương bán nguyệt hình.
Tọa đối lục phù lồng diệu ảnh,
Điềm trình vạn thọ vặc đan đình.
Nơi nơi đích hẳn duyên linh hội,
Thong thả dầu chơi hưởng thái bình.

Trích ở quyển *Ngự đề Thiên hòa doanh bách vịnh* của chúa Trịnh-Căn, 1682 - 1709, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 544, tờ 27a-27b. *Còn nữa*

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ biên-tập

1) Nguyên-văn đầu bài là *Phụ-mã Hựu tế thê văn*. Bài văn tế này và ba bài thơ của Trịnh Căn đăng kỳ này chưa thấy ai in ra quốc-ngữ bao giờ.

Số 29

THỬ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

TIẾT BA

TRẦN THÁNH-TÔNG

1258-1278

VUA Trần Thánh - Tông húy là Hoảng, nghĩa là « sáng ».

Là con trưởng vua Trần Thái-Tông và Hiền-từ-thuận-thiên hoàng thái-hậu Lý-thị, ngài sinh hồi giờ ngọ, ngày 25, tháng 9, năm canh-tí, niên-hiệu Thiên-ứng-chính-bình thứ chín (1240).

Ngài là bực anh-hùng hoàng đế ở hồi Trần sơ. Võ-công, văn-trị của ngài nghìn thu hãy còn rỡ-ràng trên sử sách.

Ngài, tư-bẩm cao, hoài-bão lạ, có cơ-lược, biết hùng đoán, rất giàu đức tốt như trung, hiếu, nhân, thứ, tôn hiền, trọng đạo. Ngài đọc rộng sách vở và tinh-thông nội-điển. Cứ như *Thánh đăng thực lục* đã chép thì, về Phật-học, ngài lĩnh-ngộ được yếu-chỉ là nhờ Trúc-lâm Đại-Đăng quốc-sư.

Nối sau đời thịnh-trị của vua cha, ngài, bắc phá tan giặc Mông-cổ, nam vỗ yên Chiêm-thành, đặt chiếc âu vàng vào nơi vững-chắc như Thái-sơn, bàn-thạch.

Nhờ ngài, nước ta tiến-hóa cả mọi phương-diện.

Ngài rất chú ý về việc khuyến-khích văn-học trong nước: tháng tư năm đinh - mão, niên - hiệu Thiệu - long thứ mười (1267), lựa lấy những nho-sinh giỏi văn cho sung vào làm việc những nơi quán, các, sảnh, viện.

Dưới cái chế-độ trọng văn ấy, những tay văn-học đều được bổ dùng : Đặng-Kế làm Hàn-lâm-viện Học-sĩ ; Đỗ-Quốc-Tả làm Trung-thư sảnh Trung-thư-lệnh. Rồi do cái « thang » văn-học, người ta có thể trèo đến tận « nấc » hành-khiển, là chức thủ tướng, chứ không như lối cũ : chức hành-khiển đó không phải là chân nội-nhân không được làm.

Muốn mở rộng con đường tiến thân cho những người hiền-lương, minh kinh, tháng 10 năm Thiệu-long thứ mười lăm (1272), ngài có xuống chiếu cầu tìm bọn họ mà cho làm Quốc-tử-giám tư-nghiệp. Còn những ai giảng dụ được nghĩa Tứ Thư, Ngũ Kinh thì cho vào hầu nơi kinh-ác (chỗ cho màn-chướng để giảng kinh).

Tháng chạp năm Bảo-phù thứ hai (1274), ngài lựa trong nước lấy những người nho-học có đức-hạnh, cho hầu đông-cung.

Chính ngài viết thơ để dạy các hoàng-tử.

Ngoài ra, ngài còn mở kỳ thi thư toán để thi lại-viên, ai đỗ thì được sung làm Nội-lệnh-sử duyên-lại. Lại khảo thi các ty Thái - y, Thái chúc : hễ ai tinh-thông bản-nghệ thì mới được bổ làm bản chức, (năm Thiệu-long thứ tư, 1261).

Trên trang sử văn-học đời vua Trần Thánh, ta nên đánh dấu hai việc quan-trọng này :

1. *Soạn Quốc-sử.*— Từ đời vua Trần Thái, Hàn - lâm - viện học - sĩ kiêm Quốc-sử viện giám-tu Lê văn-Hữu (1) đã vâng sắc-lệnh nhà vua đứng biên bộ *Đại-Việt sử ký*, một công-cuộc rất cần-kíp và rất ích-lợi đối với sử-học của ta sau này.

Việc làm sử ấy tuy là trùng tu, nhưng ở vào hồi bấy giờ, công-việc còn bỡ-ngỡ, tài-liệu còn phải bới tìm, không khỏi gặp phải nhiều nỗi khó-khăn chật-vật, thế mà nhà sử-thần Văn-Hữu đã thành công vào hồi tháng giêng mùa xuân năm nhâm - thân, niên - hiệu Thiệu - long thứ mười lăm (1272).

Khi vua Trần Thánh thấy dâng lên 30 quyển *Đại-Việt sử ký* chép từ đời Triệu-Võ-đế đến Lý Chiêu-hoàng, ngài có xuống chiếu ban khen.

2. *Học-đường của Trần Ích-Tắc* (2).— Được vua Trần-Thánh phong cho làm Chiêu-quốc-vương, Trần Ích Tắc, một người thông-minh, hiếu học, làu kinh, sử, thạo lục nghệ, giỏi văn - chương, có đứng mở một trường học tại bên hữu nhà mình ở. Trường đó là một nơi họp-tập các văn-sĩ bốn phương. Chủ-nhân muốn cho họ khỏi lo phần vật-chất, được yên tâm mà học - hành, nên cung - cấp cho cả cơm ăn, áo mặc. Đó tức như lối cấp học-bổng cho bạng quan-phí-sinh boursiers ở đời bây giờ.

Nhờ trường ấy đào-tạo, có 20 người được thành tài, giúp ích cho xã-hội, như Mạc Đĩnh-Chi ở Bàng-hà và Bùi Phóng ở Hồng-châu....

Hai việc trên đây dẫu do Lê Văn Hưu và Trần Ích - Tắc chủ-trương, nhưng ở vào thời-đại quân-quyền đương thịnh như đời bấy giờ, tưởng chẳng cần phải nói, ta cũng thừa biết rằng những việc quan-trọng như thế, tất có bàn tay vua Trần Thánh chỉ-đạo và giúp ngầm.

Còn nữa

1) Một tiết khác sẽ nói riêng về Lê văn-Hưu.

2) Sau Ích-Tắc xuống hàng giặc Nguyên. Một tiết khác sẽ nói riêng về Ích-Tắc.

Bản chí

Cần cổ động viên để đi các tỉnh thu tiền và lấy thêm độc-giả, vậy ai muốn làm, cần có những điều-kiện này :

1·) Phải là người trên 20 tuổi.

2·) Có bằng Sơ học pháp việt.

3·) Có ký quỹ từ 50 p. đến 100 p.

4·) Có tính hạnh tốt.

Xin viết thư cho bản chí và nhớ kèm theo tem để trả lời.

TRI-TÂN

Tin mỹ-thuật

Nhìn qua phòng Triển-lãm Mười-Thượng ở Sài-gòn

Mấy hôm nay phòng triển lãm Nguyễn văn-Mười và Nguyễn cao-Thượng tại nhà hàng Continental, Saigon, được biết bao nhiêu khách thẩm-mỹ đến thưởng ngoạn.

Được chú ý nhất là những bức *« Chiếc sáo ngọc »* *la flûte de jade*, *« Tình thương »* *l'affection* của họa sĩ Nguyễn văn-Mười, là những bài thơ Đường tả những vẻ đẹp mong-manh, thầm-kín.

Bức *« Ánh nắng chiều »*, *« Mưa giông »* *L'averse*, *« Gió »* *vent* là cảnh rộn-rịp của thiên-nhiên thâu hẹp lại một cách tài-tình.

Đặc sắc nhất là bức *« Múa sư-tử »* Danse à la licorne của Mười, tả một đêm Trung-thu ở đất Bắc. Những vệt pháo nổ, những chiếc lồng đèn cắt hẳn mần trời mờ sương một đêm thu lạnh.

Phòng triển-lãm N. V. M. và N. C. T. là một bức đáng ghi trên con đường Mỹ thuật Việt-nam.

Mới xuất bản !

DANH NHÂN VIỆT-NAM

của PHAN TRẦN-CHỨC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1

Mỗi quyển bản thường : 0$70

Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4$00

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p.30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton — Hanoi

Tri Tân đầy tuổi tôi

Tri-Tân từ buổi ra đời,
Đến nay đã một tuổi-tôi có thừa.
Tưởng ít tuổi ngây-thơ thì phải,
Mà xem ra từng-trải đã nhiều ;
Càng ôn truyện cũ bao nhiêu,
Càng thêm vẻ mới, mọi điều biết thêm.
Này thử mở ra xem thì biết ;
Kể qua-loa có xiết được nào !
Nước ta văn-hóa ra sao ?
Trước sau theo ngọn phong-trào đổi thay.
Nào sử-học đến rầy là thế ;
Nào văn-chương quan-hệ những gì ?
« Tiếng ta mẹo » mực là chi ?
Ấy « Từ-ngữ-học », học thì rất nên.
Văn « Tùy-hứng » giải phiền cũng ích ;
« Hịch Trần-Vương phân-tích » rõ-ràng.
Mấy văn « Phú sông Bạch-Đằng »,
Lại bài « Đền-kiếp hương dâng » tấc thành.
Tìm những bực tài-danh tự trước,
Kể anh em trong nước cùng nghe.
Trăm nam bia vẫn không nhoè,
Còn văn còn truyện « Ông nghè triều Lê ».
Tạm thuật mấy đầu để đại-khái,
Để ai ai ôn lại kẻo hoài.
Tương-tri mới một năm giời,
Mà Tri-Tân đã lắm người tri-âm.
Đường cổ-học sưu-tầm chẳng mỏi,
Lối duy-tân tiến-lỏi không ngừng ;
Ngày thêm mới, mới thêm mừng,
Muốn cho biết mới, cũ đừng có quên !

THÙY-THIÊN

Tin văn hàng tuần

QUỐC-TẾ

Sau khi hạ được Mersa-Matrouk, đạo quân Rommel, một mặt theo bờ bể, tiến về phía quân-cảng Alexandrie ; một mặt tiến trong sa-mạc Ai-cập, có lẽ về phía kinh-thành Le Caire.

Nội-các Ai-cập họp phiên bất thường và các thượng tướng Anh-Mỹ ở vùng Cận đông cũng mở cuộc hội nghị ở Le Caire để bàn phương pháp đối phó với thời cục.

Ông Sandhi yêu-cầu người Anh phải rút quân khỏi đất Ấn.

ĐÔNG-DƯƠNG

Vua Bảo-Đại ban cho hội T. B. Q. N. 140 đồng.

Từ mấy chục năm nay hãng Arip vẫn giữ việc thông tin ở Đông-dương. Nay giao-kèo làm với Chính-phủ kể đến ngày 30 juin là hết. Vậy từ 1er juillet, thay hãng Arip, sở O. F. I. Office français d'Information giữ việc thông tin.

Lữ ký

BAN-MÊ-THUỘT

của Biệt-Lam • TRẦN HUY-BÁ

BAN-mê- thuột, một nơi để phát vãng những tù trọng-tội; một nơi rừng xanh, núi đỏ, thủy thổ cùng khí hậu rất độc; một nơi sức nắng như đốt cháy da người. Ai cũng phải nhận rằng: trừ ra những người có công việc cần-thiết, hay những người có tính tò mò muốn đi du lịch, hoặc những nhà bác-học muốn qua đó để khảo cứu về người Mọi, thì mới tới nơi chứ ngoài ra mấy ai còn muốn đến đó làm gì cho thêm mệt.

Năm trước, tôi nhân dịp, có qua đó để giúp việc khảo-cứu của giáo sư N. Hôm ấy vào khoảng hạ tuần tháng hai tây, Hà-nội đương ở trong tiết khí xuân đầm ấm. Ba giờ chiều, tàu tốc hành Hà-nội — Sai-gon chuyển bánh. Trước khi xe chạy, có mấy ông bạn thân ra tiễn, đứng ở sân ga. Một bạn nói đùa tôi rằng: « Phen này bác vì việc hồn phận, phải qua xứ ấy, chẳng khác gì như bị đi đầy! Vậy cố cho công việc mau xong mà về nhé! Chúng tôi ở nhà mong đợi bác lắm đấy ».

Với câu nói thực-tình của bạn, trong khi ngồi một mình ở toa hạng ba, (vì chuyến xe ấy, ngoài mấy người tây đen bán vải đi Sai-gon ra, chỉ có một tôi là người Nam), tôi lại càng hồi hộp... Tự nghĩ: không biết tới đó rồi ra thế nào? Tứ cố vô thân, lại ở xứ mọi, ngôn ngữ hất đồng, rồi mình sẽ tính sao đây!! Nhưng thôi hãy gác một bên, rồi đến đâu ta sẽ tùy cơ đến đấy.

Mặc cho xe cứ chạy hoài, qua kinh thành Huế, rồi Tourane, rồi Quảng-ngãi, Quy-nhơn.. Mãi đến 9 giờ tối hôm sau mới tới Ninh-hòa, tôi bèn thu-thập hành lý để xuống xe. Cũng như các hành khách khác tôi nề oải vì sức nóng, vì xe sóc và lắc lư trên con đường hàng ngàn cây số.

Ra cửa ga, tôi thấy đã có người của các hàng cơm đứng đón, mời về hàng họ nghỉ ngơi. Họ niềm nở đỡ lấy hành lý của từng người, dẫn khách về lữ quán.

Tới nơi, tôi nghỉ một chút, rồi đi tắm rửa, thay quần áo. Bấy giờ gió bể đã thổi đều. Tôi thấy trong người đã hơi khoan khoái, bảo chủ quán làm cho bát cháo, ăn rồi đi nghỉ. Ở đấy, họ đã sắp sửa cho tôi một cái ghế bố, có chăn màn cẩn thận. Tôi nằm nghỉ, rồi thiếp đi một mạch, tới thẳng 5 giờ sáng hôm sau mới tỉnh. Chủ quán đã sửa cơm cho ăn và sắp cho 3 chai nước chè; lại pha cả vào cái thermos của tôi nữa. Họ nói cho tôi biết rằng: «Số nước như thế mới tạm đủ, vì đi con đường này, phải lên thác, xuống ghềnh nhiều lắm, và nắng nóng như thiêu, thầy nên cẩn thận, chớ để vỡ những chai nước và đừng cho ai, mà bị thiếu khát giữa đường. Nếu để thiếu thì ở giữa rừng, hàng quán không có, mà nước suối thì rất độc, chớ uống mà nguy đấy!»

Ăn cơm xong, tôi vội ra nhà giây thép, gửi điện tín về cho nhà biết là đã tới Ninh-hòa, được bình-yên và sắp đáp xe đi Ban-mê-thuột. Khi về hàng, chủ quán đã giúp tôi thu-sếp hành lý xong xuôi. Họ tính tiền: một tối ngủ, một bát cháo, một bữa cơm và 3 chai nước nó chẳng có vẻ sang trọng gì, thế mà cũng tới cái giá 5p00. Vừa trả tiền xong, thì chuyến xe thơ của hàng Bourbous đã ở Nha-trang đi tới. Tôi đưa giấy để lấy vé lên xe. Bác tài bảo cho tôi biết: «Cứ như giấy này, thầy phải lấy vé hạng nhì. Mà hạng nhì thì ở đằng sau, xe chạy lắc lư và bụi lắm! Song thầy là một công chức, vả hôm nay hạng nhất cũng không có ai ngồi; vậy thầy có thể tạm ngồi lên đây cũng được». Tôi tỏ lời cảm ơn.

Đúng bảy giờ, xe chuyển bánh, do đường thuộc địa số 1 rẽ sang tay trái, là con đường hàng tỉnh số 157 tới Ban mê thuột dài 163 cây số. Đi độ mười cây số tới làng Bình-nguyên, là làng cuối cùng của người Nam ta ở, đường còn bằng phẳng, hai bên làng mạc lúa mà xanh tươi. Qua đó mươi cây số nữa, đến trạm Suối-trinh lập ở chân núi Yok-kao. Tới đây đã vào sơn phận, bắt đầu leo dốc. Xe chạy đến cây số 44, phải qua cái đèo của núi Yok-kao, cao hơn 900 thước. Đường ngoạch hơn chữ « chi », hết mé núi này đến mé núi kia, hai bên toàn rừng rậm, non cao, tuyệt-nhiên không thấy bóng người! Cứ ở núi nọ ngoạch sang núi kia, xe lại phải qua một cái cầu bắc toàn bằng thân cây gỗ ghép lại. Khi sắp tới cầu, xe phải lao mình xuống dốc. Ngồi trong xe, tưởng như sắp bị đập mình vào quả núi sừng-sững chắn ngang; lại tưởng-tượng như mình sắp sa xuống hố. Mỗi lúc qua cầu là một phen « mất vía »! Qua cầu rồi, xe lại bò lên dốc một cách nề-oải khó-khăn, vì cái ngoẹo chữ « chi » liền ngay đầu cầu lên dốc. Nếu tay lái non, thì có lẽ cả ngày chỉ đâm xuống suối! Đời lúc ngoặt con đường mình vừa đi qua lúc nãy nó lại hiện ra ở dưới bực xe; thật là luẩn quẩn!

Thỉnh-thoảng, kia, một đàn công đương nhởn-nhơ trước mặt, bỗng cất cánh bay ào vì thấy xe đến. Nọ, đàn khỉ độ vài trăm con, già, trẻ lớn, bé, đương đùa nghịch ở giữa khúc đường, vội bỏng con cút thẳng vì nghe có còi xe «toe toe»... Này, một vài con gà rừng nghền cổ, bay bong người, vội lẻn vào rừng. Đây kia, đông phân voi sù-sụ giữa đương như hình cối đá.

Thời thường có cơn gió lốc cuốn tung cát đỏ phủ kín ô-tô. Đằng trước mặt, những ngọn lửa ngất trời, đang tự-do đốt cây, thiêu cỏ, làn khói tỏa mờ, phủ kín lối đi. Khí nóng như thiêu. Thế mà xe vẫn phải chạy vào cái hầm lửa ấy! Nhiệt-độ lên đến cực điểm; mà xe

Xem tiếp trang 16

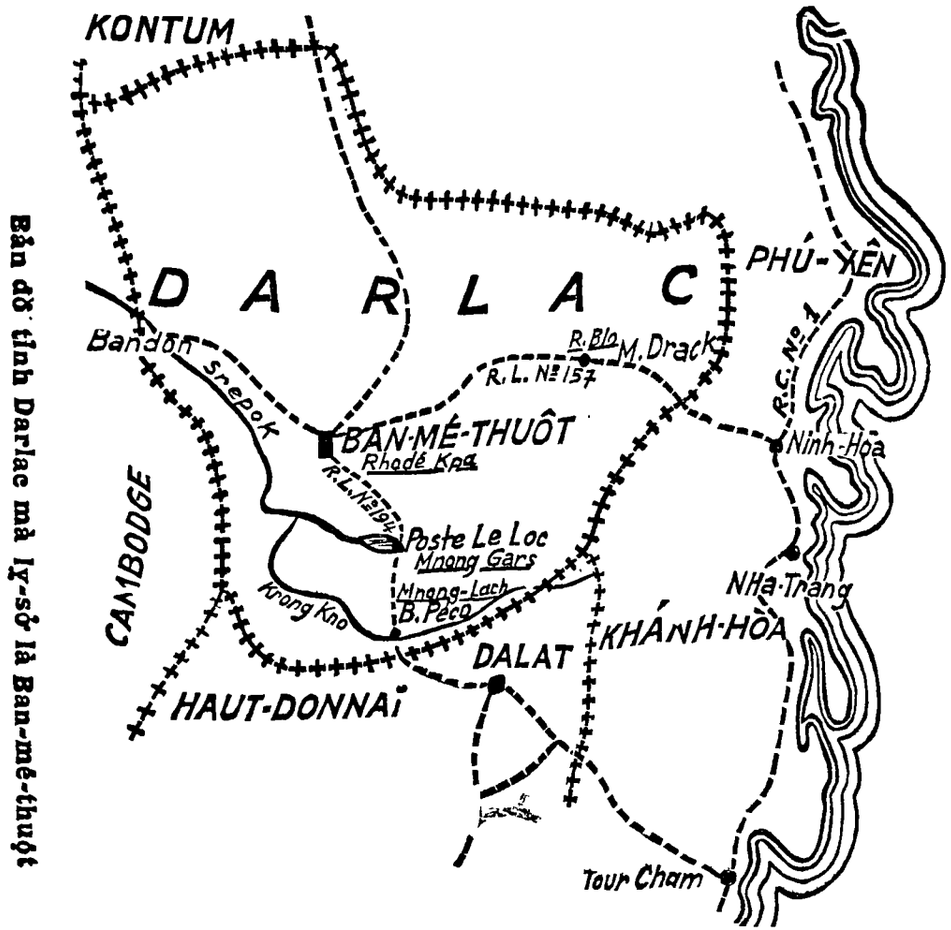

Bản đồ tỉnh Darlac mà lý-sở là Ban-mê-thuột

Một thiếu-nữ Mọi đẹp mặt cao-gầy

Thời-đàm

DÂN THỔ-NHĨ-KỲ TẠI NƯỚC NGA

NHẬT-NHAM

TRƯỚC hồi Âu-chiến 1914-1918, nước Thổ-nhĩ-kỳ là một nước to, đất rộng, dân nhiều, địa thế lan từ châu Âu sang châu Á và châu Phi, gồm có xứ Thổ-nhĩ-kỳ châu Âu, xứ Thổ-nhĩ-kỳ châu Á, các trị-hạt Ai-cập, Samos thường vẫn gọi là các nước chư-hầu.

Xưa có 20 triệu dân Thổ, nước Thổ-nhĩ-kỳ chia làm nhiều tỉnh : 2 tỉnh tại Âu-châu và 28 tỉnh tại châu Á, đặt dưới chính-thể chuyên-chế một vị Quốc-vương, có một Tể-tướng và một Quốc-sư giúp việc. Ngày nay, Thổ-nhĩ-kỳ đã lập thành Dân-quốc, có Tổng-thống, có quốc-hội cai-trị, nhưng địa-thế so với trước hồi 1914 rất hẹp.

Xưa dân Thổ-nhĩ-kỳ đã từng đặt nền đô-hộ tại Á-châu trên dấu vết Chính-phủ A-bát-sích. Đến thế-kỷ thứ XIV, họ tràn vào nội địa châu Âu, rồi sang thế-kỷ thứ XV, tổ chức một cường-quốc trên di-tích đế-quốc La-mã miền Constantinoples. Công-cuộc xâm-chiếm bắt đầu từ vua Mourad đệ-nhất, qua các triều Bajazet đệ nhất, Mahomet đệ nhất, Mourad đệ nhị, đến đời Mahomet đệ nhị, có kết quả rất mỹ-mãn. Mahomet đệ nhị hạ được Kinh-thành Constantinoples vào năm 1453.

Năm mươi năm sau, Thổ-nhĩ-kỳ nắm được quyền thông-trị trên khắp đoi đất Ba-nhĩ-can, miền Tây-Á và Ai-cập. Đến triều Soliman đệ nhất, Thổ có một địa-vị rất quan-trọng trên thế-giới. Trong vòng hai thế-kỷ XVII và XVIII, các quốc-vương Thổ nhiều phen sung đột với nước Áo và nhiều phen vây hãm Kinh-thành Vienne của Áo.

Cuộc hành-trướng của Thổ bị ngừng-trệ giữa thế-kỷ thứ XVIII, trước sức phản-động của Nga và từ đó bắt đầu suy-nhược.

Các cường-quốc Âu-châu giúp Hy-lạp khôi-phục lại nền độc-lập năm 1829. Lỗ-mã-ni cũng được giải phóng năm 1856, sau triệu Crimée. Nước Bảo và Serbie thoát-ly đô-hộ Thổ năm 1878, sau khi ký hòa-ước Bá-linh đặt Chính-phủ Thổ dưới quyền kiểm-soát các cường-quốc Âu-châu. Bắt đầu từ 1907, Thổ đặt chính-thể lập-hiến và sau cuộc chiến-tranh 1911 với Ý-đại-lợi, Thổ mất xứ Tripolitaine ; rồi tới trận Bá-nhĩ-cán (1912-1913), Thổ lại bị cắt nhiều đất tại Âu-châu.

Kịp đến hồi Âu-chiến 1914-1918, Thổ cùng Đồng-minh (Đức, Áo, Bảo) bại trận. Mãi tới 1922, Thổ thắng Hy-lạp nhiều trận, nên mới giữ nguyên được quốc-hiệu từ hòa-ước Lausanne (Juillet 1923) cho tới ngày nay.

Ấy cũng vì người Thổ xưa kia đã bành-trướng thế-lực trên một khu-vực rộng-rãi mà sau khi nước Thổ theo thời-gian bị thu hẹp, còn nhiều bộ-lạc Thổ ở rải-rác trên cao vùng miền Tây-Á và Đông-Âu.

Những bộ-lạc có thế-lực nhất là những dân Thổ sống trong nội-địa nước Nga đã từng làm trở-lực rất mãnh-liệt cho Chính-phủ Nga trong cuộc thống-nhất.

Vì vậy, vấn-đề Thổ-nhĩ-kỳ tại Nga-sô-viết là một vấn-đề rất quan-trọng trên bàn cờ thế-giới và được các giới ngoại-giao chú ý.

Trong khi cuộc chiến-tranh Nga-Đức đương quyết-liệt, ta không thể không ngó qua vấn-đề Thổ tại Nga !

Ước 40 triệu dân Thổ-nhĩ-kỳ, nói tiếng Thổ và theo đạo Hồi hồi, hiện-đương sống trong nội-địa nước Nga-sô-viết. Trải bao thế-kỷ, vì tình-thế bó buộc, dân Thổ đã bị sáp nhập vào đế-quốc Nga, rồi qua đời nọ đến đời kia, vẫn hi-vọng khôi-phục được nền độc-lập. Cuộc Nga-Đức chiến-tranh đã đem lại cho họ cái hi-vọng ấy, hi-vọng được chóng tới ngày thoát-ly vòng đô-hộ Chính-phủ Nga để trở lại với Tổ-quốc.

Dân Thổ phát-nguyên từ miền nam hồ Baikal, sinh hoạt dưới chân các núi cao nhất hoàn cầu, trên các cánh đồng bằng phi-nhiêu bao-la bát ngát. Mấy nghìn năm sống với nghề chăn nuôi súc-vật, họ phiêu-lưu khắp cõi để tìm nguồn sinh-lực cho người cũng như cho vật. Từng phen gặp năm cơ cận, họ phải đột-nhập vào các miền trù-phú trên lưu-vực các sông để cướp của, giết người.

Tuy vậy, đã một thời-kỳ, dân Thổ tới được một trình-độ văn-minh khá cao, song không phải nhờ có đạo Hồi-hồi mà họ văn minh. Vẫn biết đạo Hồi có một ảnh-hưởng sâu-xa đến tinh-thần dân Thổ, nhưng chính các bực hiền-triết Thổ là người đã mở-mang cái tinh-thần của đạo Hồi mà tạo nên. Có hai vị hiền-triết đạo Hồi thuộc giống Thổ-nhĩ-kỳ : Ibni Sina và Tarabi.

Về sau, từ hồi dân Thổ dùng chữ Ả-rập trong các việc từ-chương, người ta tưởng nhầm họ là dân Ả-rập. Mà ngay khi ấy, dân Thổ đã có 38 chữ ghép thành vần riêng công-hành khắp chốn.

Về phương-diện mỹ-thuật, từ trung-cổ thời-đại, Thổ nhĩ kỳ đã có một nền mỹ-thuật rất đặc sắc tại vùng Turkestan, dưới triều vua Tamerlane. Các lễ bái-đường, các giảng đường về tôn giáo, các đài thiên văn các lăng tẩm đều xây theo kiểu kiến trúc của các họa-sĩ Thổ một nền kiến trúc rất xảo diệu đã làm cho thế giới phải khâm phục.

Ngay gần thành Samarkand, người ta phát kiến được một thiên văn đài

mà xưa kia một Hoàng tử, con vua Tamerlane, trong bao nhiêu năm đã hi-sinh ngày tháng, công lao, ngồi ngắm trời xem đất để nghiên-cứu khoa học thiên văn. Bản đồ tinh tú của Hoàng tử ấy, xét ra, còn tính đúng hơn các nhà bác học Âu-châu sinh trưởng một trăm năm sau khi hoàng-tử từ trần. Hoàng tử là người đầu tiên, đã kê cứu và công nhận quả đất tròn và quay chung quanh mặt trời.

Mấy trăm năm trước Thiên-chúa giáng-sinh, miền thượng-lưu và trung lưu sông Volga đều thuộc phạm-vi dân Thổ Nhân đó thành — lập nhiều nước Thổ, tên gọi khác nhau. Trước hết, bộ-lạc Bolgars của Thổ di-cư đến đó rồi sau một phần tử lại thiên đến miền Buloans ở lẫn với dân tộc Slave và tổ-chức thành nước Bảo (Bulgarie) ngày nay.

Nước Thổ trù phú nhất thành lập gần Kazan, trên miền hạ-lưu sông Volga.

Đến thế kỷ thứ 13, quân Mông cổ tiến sang đây, lập thành một nước thuộc quyền đô hộ của Thành-cát-tư hãn. Dân nước này lấy tên là Tartare, tức là dân Thổ nhĩ kỷ vì thành-cát tư-hãn càng tiến sang phía tây bao nhiêu thì số quân Mông cổ theo sau càng ít đi bấy nhiêu, để nhường chỗ cho quân Thổ.

Sau khi ngai vàng Mông-cổ sụp đổ đế quốc nhà Nguyên tan vỡ, theo triều sông Volga còn lại ba nước Thổ nhĩ-kỳ Astrakhan, Kazan và Crimée. Nước Kazan quan trọng và giàu hơn cả. Kinh thành Kazan trở nên một trung tâm rất sầm uất về phương diện thương mại và tôn giáo, vì địa - thế ở giữa Mạc tư-khoa và Trung Á.

Dân Thổ ở Nga thường gọi là Tartares cùng dân Mạc-tư-khoa xung-đột nhau mãi tới năm ấy, nước Kazan bị Tran Le Tenible chiếm được. Mấy năm sau, nước Astrakhan cùng chung một số phận ấy. Duy còn nước Crimée tồn-tại trong vòng hai thế kỷ nữa. Tất cả triền sông Volga khi ấy đều lọt vào tay dân mạc-tư-khoa. Dân mạc tư-khoa bắt đầu họp nhất tất cả các chủng loại sống trên đất Nga, xây giao-đường mới, phá các lễ bái đường cũ, lập ấp doanh điền cho dân Nga quần-tụ.

Người Tartares luôn luôn nổi loạn để phản đối lại cái chính sách ấy và lợi dụng các trường-hợp khó khăn của người Nga để khôi-phục nền độc lập.

Trong khi nước Nga có nội-biến, người Tartares kết liên với xứ Ba lan ; sau lại giúp tướng Stenka Razin trong cuộc phản đông ; lại một lần trợ-lực Pugatchor để đánh lại chính-phủ Mạc tư khoa.

Mãi đến cuối thế-kỷ thứ 18, người Nga mới chịu nhượng bộ, nên cuộc nổi loạn do người Tartares ủng hộ mới tạm yên. Chính phủ Nga cho phép người Tartares lập học đường, in Thánh kinh dựng xưởng kỹ nghệ, thông thương với các nước Trung Á và Trung-hoa. Xứ kazan trở nên phồn-thịnh một cách mau chóng, làm chơ dân Nga ghen-ghét. Nga lại dùng đến phương-pháp hạn-chế đối với xứ Kazan để giúp nền thịnh-vượng cho mạc tư-khoa.

Chiếm xong các miền Tartares, dân Nga thẳng đường tiến sang đông. Đầu thế kỷ thứ 18, người Nga đặt đô-hộ lên miền bắc xứ Turkestan của dân Kirghiz sau lại quanh về Caucase để chinh phục người Géorgiens dân tộc Géorgiens trước kia đã xin Nga cứu để đánh nhau với người Thổ-nhĩ-kỳ.

Trong bao nhiêu năm, các bộ-lạc Thổ miền Caucase nổi loạn, Nhưng đều bị thất-bại, rồi đành chịu hàng-phục, sau cuộc chiến tranh Turkesten (1864-1883).

Turkestan là nơi phát-nguyên nòi-giống và phong-tục Thổ-nhĩ-kỳ, nên từ khi Turkestan bị Nga xâm-chiếm, dân Thổ nhận thấy mình chậm tiến và tính bảo-thủ. Các nhà đương đạo Thổ đến đây mới hiểu vì quá khinh ghét những điều ngoài đạo hồi hồi, nên đã không được tiếp-xúc với văn-minh và văn-hóa tây-phương. Rồi họ nảy ra một quan-niệm mới ; quay lại với văn-minh tây-phương và phấn-đấu giữa dân-chúng Thổ.

Người có công trong việc cải-tạo này là ông Shigahetdin Merdjain (1815-1889). Ông hết sức phấn-đấu với những nỗi khó-khăn, bài-sích sự phân chia đạo giáo và việc cầm-giam các phụ-nữ trong các nhà tù kín. Ông là người đầu tiên dạy khoa-học Âu-tây trong các học-đường cùng với sử-ký và tiếng Thổ.

Theo học-quy xưa kia chỉ cái gì thuộc hồi giáo mới được phép dạy.

Nhiều nhà cách-mệnh cải-tổ việc học tại Crimée và sửa-sang nhiều việc ảnh-hưởng đến tương-lai dân Thổ tại Nga.

Trước khi người Nga cai trị, đàn-bà Thổ đã được giải-phóng và được học tại các học-đường. Nhiều nữ-giáo-sư Thổ dạy triết-học và y-khoa tại trường đại học, hay làm báo, bán sách, vân vân.

Sau hồi cách-mệnh 1905, số các đại-biểu Thổ ở Douma trước 40 người giảm xuống 7, còn xứ Turkestan mất quyền bầu-cử. Phong-trào phục-hưng quốc-gia rất sôi-nổi không sao ngăn cản được.

.·.

Cuộc Âu-chiến 1914-1918 đem lại hy-vọng độc-lập cho dân Thổ tại Nga. Họ lập « ban bảo-trợ Thổ-nhĩ-kỳ (phái Hồi-giáo) mục-đích chống nạn mãi-nô của Nga », nhiệm-vụ phải đến các nước Âu-châu cổ-động và tuyên-truyền cho các kinh-thành biết phương-pháp khốc hại của văn-minh Hồng-Nga. Năm 1916, họ dự Hội-nghị liên - bang tại Lausanne Thụy - sĩ. Sau cuộc cách-mệnh 1917, người Nga tại Thổ họp thành một đoàn-thể quốc-gia. Người Thổ tại Nga cũng bắt đầu tổ-chức, nhưng bị thất bại. Sau nhiều trận kịch-liệt, người Nga phải đặt nhiều Chính-phủ Dân-quốc. Rồi vì muốn ngăn cản không cho dân Thổ liên-lạc với nhau, Nga bèn chia Thổ làm nhiều bộ lạc-xa cách nhau. Kết cục, Hợp chúng-quốc Nga chỉ là một nước Nga chặt-chẽ bằng sợi giây lịch-sử, ngôn-bất di-dịch nhuận màu sắc đỏ.

Người Nga theo chính sách các Nga-hoàng lập nền đô-hộ trên các miền có dân Thổ. Chính-phủ Nga lấy của Dân-quốc Tartare miền trung-lưu Volga, gần 3 phần tư đất cho dân Nga cầy cấy, trong khi dân Tarture không đủ ruộng để sinh nhai.

Năm 1938, Chính-phủ Nga bắt dân Thổ phải học chữ Nga, lấy cớ muốn hợp nhất văn hoa Nga và Tartare. Tiếng Thổ-nhĩ-kỳ bị cấm hẳn.

Năm 1926, tại thành Merque có cuộc hội-nghị Công-giáo. Dân Thổ được phép

cử đại-biểu đi đợ. Nhưng sau ít lâu, các giáo-đồ Thổ bị giết, các lễ bái đường bị đóng cửa, các giáo-sĩ bị bắt và hành hình.

Tuy vậy, dân Thổ cũng không chịu tòng-phục, luôn luôn dấy loạn. Hàng vạn người bị giam cầm và phát lưu, thế mà cũng không đủ làm cho dân Thổ nản chí.

Người Nga dùng hết các phương-pháp để lung-lạc dân Turkestan, nào thay nghề giồng bông vào nghề giồng lúa mì, nào bắt dân Turkestan phải thuộc Chính-phủ Mạc-tư-khoa về vấn-đề lương thực, nhưng cũng vô-hiệu !

Dân Thổ dù ở trong đất Nga, dù ở ngoài cõi, vẫn theo đuổi cuộc phục-hưng nền độc lập một cách kiên-nhẫn và dũng mãnh.

Trong cuộc phấn-đấu, họ hợp-tác chặt-chẽ bằng sợi giây lịch-sử, ngôn-ngữ, văn-hóa, tôn-giáo, và hi-vọng đi tới mục đích, nếu Nga bị thất-bại trong cuộc chiến-tranh Nga — Đức hiện thời.

Vì vậy, vấn-đề Thổ-nhĩ-kỳ tại Nga không phải không là một vấn-đề quốc-tế có ảnh-hưởng đến cuộc chiến-tranh hiện tại.

NHẬT-NHAM

Ban mê thuột

Tiếp theo trang 13

thì nghiêng-ngả lắc-lư. Ai nấy bồ hôi đổ ra như suối, miệng khát như gào. Cứ năm mười phút, lại phải uống nước. Gió càng thổi mạnh, ngọn lửa lại càng bốc cao, cứ lem-lém cháy đến vệ đường thì tắt. Chim-chóc thú vật trong rừng, thấy lửa cháy, nhớn-nhác chạy hoài. Có lúc ngọn lửa như muốn thiêu cả mấy túp nhà sàn của người Mọi ở ; song họ đã tiên liệu: cắt hết cây cỏ ở xung-quanh nhà nên thần Lửa tới nơi cũng đành cúi cổ chịu phép.

Từ sớm đến giờ, không gặp một ai, mãi bây giờ mới thấy một vài người Mọi, đóng cái khố xanh, tay cầm mỗi người một con dao dài, đằng lưng đeo một cái lẵng mây. Người nào cũng mồ hôi nhễ nhãi như những pho tượng đồng đen nhúng nước mới nhô lên. Người thì cầm năm gạc hươu ; kẻ thì mang ít da thú. Thấy xe đi tới, họ vội nhô ra, hai tay giơ lên định bán. Nếu xe không dừng bánh, thì họ lại chạy tụt vào bụi cây. Trò ấy cứ diễn ra hoài... Mà trên xe thì nào có ai hỏi đến !

Khu rừng rậm này là Kròng-Hing và Darang. Gần 12 giờ, tới cây số 56 thì đến đồn M' Drack. Đồn này lập từ năm 1904 ở trên núi đất trong vùng Mọi Rdradés-Blo. Gần được nửa đường. Đây, chỗ tránh xe, và có các nhà chuyên-trách khám giấy thông-hành Nếu ai không đủ hình thẻ giấy má, thì đừng hòng bén mảng đến Ban-mê-thuột : Xin mời các ngài đáp xe quay trở lại !

Cũng như các người khác, tôi phải đưa giấy ra để trình một thầy ký Mọi, người cũng chẳng khác gì các tướng vừa gặp ở trên, nhưng hơn được cái đầu chải rẽ và cái áo tây vàng với đôi giầy trắng, không bí-tất. Đóng một cái khố mùi chàm, ngoài đầu khố, có mấy hàng chỉ xanh, chỉ đỏ, miệng ngậm cái tẩu thuốc lá kếch sù, thầy ta nghiêm trang lần lượt xem đủ giấy-má của mọi người, rồi gật-gù bắt tay cho đi tất cả. Thế là thoát được một lần kiểm soát !

Chúng tôi ra ngồi nghỉ dưới bóng cây mát, có thức gì giở ra ăn uống, tâm-thần và khí-lực dần được dễ chịu, thảnh thơi... Lúc bấy giờ các xe ở Ban-mê-thuột vừa ra tới, nên hành-khách cũng khá đông. Nghỉ độ nửa giờ, các xe đều quay bánh. Xe vào 3 cái, xe ra 3 cái. Vì đường độc đạo, lại hẹp bề ngang, nên đều phải tránh nhau ở đó. Xe nào tới sớm cũng phải nghỉ để đợi cho đủ các xe khác ở trong ra, mới được phép đi.

Bấy giờ đoàn xe chúng tôi, thong dong ba cái, đi cách nhau hàng một cây số để tránh bụi những xe đi trước. Cảnh-tượng sáng ngày lại kế-tiếp diễn ra...

Gần 5 giờ chiều mới đến tỉnh-lỵ Ban-mê-thuột. Xe vừa dừng bánh, đã thấy một bác lính ta, mặc áo nẹp đỏ viền vàng, chân quấn xà-cạp trắng, tay cầm cái roi mây to tướng, đầy « oai-phong » của chân lính hầu ở dinh Quản-đạo tỉnh này, lần lượt xét hỏi giấy-má một lần nữa. Lần này có vẻ cẩn-thận hơn : bác ta soi-bói từng ly từng tí, lại ra vẻ hách-dịch là khác nữa. Đến lượt tôi, bác hỏi : « Thầy ở Hà-nội tới đây có việc gì ? » Tôi phải nói rõ bác nghe. Bác bảo : « Nếu thế, thầy phải lại ngay tòa quan Chánh mà trình giấy ». Xong câu chuyện đó, các hành khách họ đã mỗi người một nơi, vì họ đều quen thung-thổ ! Cả đến cái xe ô-tô cũng đã vội chạy tới nhà giây thép để giả thư : duy còn trơ lại mình tôi ! Xe tay không có, người để thuê mang xách cũng không ! Đương khi lúng-túng, thì vừa trông thấy một ông cụ người Nam, mặc toàn đồ đen, đầu đội cái nón, tôi vội hỏi thăm nơi trọ. Cụ nói cho tôi hay rằng : « Nếu thầy vào đây mà không quen biết một ai, thì sư đi tìm nhà trọ cũng khí khó đấy ! Hay thầy tới khách-sạn tây, nhưng mà mắc lắm. Vậy để tôi nghĩ xem ở phố An-nam ta đằng kia, may có nhà ai hay chứa khách trọ, thì thầy lại đó tiện hơn ; chứ nếu thầy vào trọ ở hàng các chú, nó cũng phiền nhiều ! »

Rồi cụ bảo tôi đứng chờ một chút, cụ vội rảo bước đi về phía tay phải nơi đỗ ô-tô. Chừng 15 phút, đã thấy cụ và một anh nhỏ đi sau. Đến nơi, anh nhỏ mang hành-lý cho tôi. Cụ dẫn tôi đi chừng 200 thước thì rẽ về bên tay phải. Tới một dãy phố, nhà toàn bằng gỗ bức bàn, bên trên lợp nứa, xung quanh đều có rào phên, ở trên mặt khu cát đỏ. Tới nơi, cụ giới-thiệu tôi cùng ông Kế là chủ nhà này ! Xong rồi, cụ vội cáo từ và hẹn một hôm sau sẽ lại. Thế mà trong khi tôi còn ở đó, tuyệt nhiên không được gặp cụ lấy một lần, để mà cảm ơn cụ !

Nhà ông Kế ở có ba gian ngoài, mỗi gian có một cái giường và bộ bàn ghế. Trong ba ngăn buồng là nơi phòng ngủ của chủ nhà ; gian giữa bên ngoài, có bàn thờ tổ ; gian bên tay phải, có bàn thờ phật tại gia, còn gian tay phải có giường của ông Kế vẫn dùng thường-nhật. Khi tôi lại, được ông nhường cho chỗ nằm có đủ chăn màn cẩn-thận. Thế là may cho tôi được chốn yên thân, trong khi lữ-thứ.

(Còn nữa)

Biệt-Lam TRẦN HUY-BÁ

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 26 **Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

15. — Lê-Nghĩa, người xã Đại-điền, huyện Bình-hà, phủ Nam-sách (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải-dương*, sách Bác-cổ, số A 485, tờ 71b, viết là huyện Thanh-hà ; bia Văn-miếu khắc là Bình-hà). Đỗ đệ-tam giáp đồng tiến-sĩ xuất thân khoa quí-mùi, năm Quang-thuận thứ tư (1463) Làm quan đến Hàn-lâm-viện thừa-chỉ, kiêm sử-quan (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 12b) « Khoảng tháng bảy năm Quang-thuận thứ tam (1467), vua Lê Thánh-Tôn (1460-1497) muốn xem quốc-sử, sai trung-quan tới viện Hàn-lâm, dụ sử-quan là L -Nghĩa rằng : « Xưa Phòng Huyền-Linh làm sử quan, Đường Thái-Tôn muốn xem sách *Thực-lục* : Huyền-Linh không cho xem. Nay nhà ngươi cùng Huyền-Linh ai hơn ? » Nghĩa đáp rằng : « Về việc Huyền Vũ-Môn, Huyền-Linh không chép thẳng, đợi mệnh của Thái-Tôn mới chép : như thế e chưa hơn được ». Trung-quan nói rằng : « Vua muốn xem quyển nhật-lịch chép từ năm Quang-thuận thứ nhất (1460) đến bây giờ ». Nghĩa đáp : « Đứng nhân-quân mà xem quốc-sử, thì cũng như Đường Thái-Tôn và Huyền-Linh, làm cho đời sau chê cười ». Trung quan nói : « Vua sở-dĩ xem nhật-lịch, là nếu về trước có lỗi thì biết mà sửa ». Nghĩa đáp : « Bệ-hạ cứ cố gắng làm điều phải là được, hà tất phải xem sử ? » Vua Lê Thánh-Tôn sai trung-quan đến dụ hai, ba lần. Lần sau Nghĩa đáp rằng : « Thánh-thượng thực hay đổi lỗi, đó là cái phúc cho xã-tắc không có ngần nào ; thế là không can ngăn mà cũng như can ngăn ». Rồi dâng nhật-lịch ». (*Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, quyển 20, tờ 26b-27b).

16. — Phạm Nại, người xã Vân-nội, huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên (*Việt-sử cương-mục*, quyển 21, tờ 9 a-b, in là Phạm-Cấm ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển *Sơn-nam*, sách Bác-cổ, số A 485, tờ 47b, và số A 1335, tờ 19b, viết là xã Huân-nộ) Đỗ đồng tiến-sĩ khoa quí-mùi, năm Quang-thuận thứ tư 1463 Năm đinh-hợi 1467 làm quan Hình-bộ lang-trung được vua vời về thi khoa hoành-từ ở Phượng-nghi-đường, tất cả ba-mươi người (xem *Tri Tân*, số 51, trang 14, cột 2). Sau vì tra ngục làm nhiều điều lạm, nhờ đặc-ân mới đổi ngang chức khác, dần dần thăng đến thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, quyển *Sơn-nam*, sách Bác-cổ, số A 485, tờ 47b và số A 1335, tờ 19b). *Việt sử cương mục* (quyển 21, tờ 9 a-b) chép « thang chạp năm Quang-thuận thứ tám 1467, lang-trung viên-ngoại-lang bộ Hình là lũ Phạm-Cấm (đây in nhầm, chính là Phạm-Nại, vì bia *Văn-miếu* và *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 12b, đều chép là Phạm-Nại) và Đàm-văn-Thông, tra xét hình ngục phần nhiều oan lạm, thường thường có người đến kêu oan ở công-triều. Vua Lê Thánh-Tôn lấy làm chán, sai Nguyễn-như-Đỗ kén chọn các quan trong ngoài lấy người nhân thứ minh doãn thay vào, tức là những người nhân-từ khoan thứ cho kẻ có tội và sáng suốt xét đoán xứng đáng ».

17. — Nguyễn-Cấu, người xã Khuông-lễ, huyện Tân-phúc, phủ Bắc-giang. Đỗ đệ-tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân khoa quí-mùi năm Quang-thuận thứ tư 1463.

18. — Cái-Phùng, người xã Thổ-hoàng, huyện Thiên-thi, phủ Khoái-châu. Hai-mươi-bốn tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa quí-mùi năm 1463. Làm quan đến Lại-bộ tả-thị-lang, quyền Binh-bộ thượng-thư (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 13 a ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển *Sơn-nam*, sách Bác-cổ, số A 485, tờ 71 a, và số A 1335, tờ 29b).

19 — Phạm-Phổ, người xã Yên-bài, huyện Bình-lục, phủ Lý-nhân. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa quí-mùi năm 1463, lại đỗ cả khoa hoành-từ. « Dần dần làm quan đến Thái-tử thị-giảng. Đến đây, tức là năm Quang-thuận thứ 9 1468, ba lần dâng tờ tâu xin xung chức võ. Vua Lê Thánh-Tôn khen là người có chí, cho nên được đặc-cách thăng làm chỉ-huy sứ Tiến-sĩ mà được thăng võ chức bắt đầu từ đấy. Sau Phạm-Phổ muốn tham quyền cố vị, dua nịnh nữ-quan là chức huy-nhân, tên Đồng-Đào, xin đưa con mình vào trong cung. Vua Thánh-tôn dụ quần-thần rằng : « Phổ là tặc-thần ! » Rồi bãi chức quan. » *Việt-sử cương mục* quyển 21, tờ 13a-b. *Đăng khoa bị khảo* quyển *Sơn-nam*, sách Bác-cổ, số a 485, tờ 81a cũng chép rằng : « mùa hè năm sau 1469 Phạm-Phổ cùng với vợ đến hầu huy phu-nhân, xin dâng con gái vào hậu-cung để tham quyền cố-vị, vua biết, cho là có tội, bèn bãi chức ». Theo quan-chế đời Hồng-đức 1470-1497 huy-nhân là mệnh-phụ trong nội, quan-hàm chất tòng tam phẩm ; mệnh phụ tức trong Huế bây giờ gọi là

tạng-phụ. Còn chỉ huy sứ thì trong quan-chế nhà Lê là chánh tứ phẩm về bên võ, không thấy nói chức Thái-tử-thị-giảng, chỉ thấy nói Hàn-lâm-thị-giảng, chật tòng-ngũ-phẩm về bên văn.

20.— Dương-đức-Nhan, người xã Hà-dương, huyện Vĩnh-lại, phủ Hạ-hồng. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa quí-mùi năm 1463 Làm quan đến Hình-bộ hữu-thị-lang. Tước là Dương-xuyên-hầu. Có làm bộ *Tinh-tuyển thi tập*, lưu-hành đời bấy giờ *Đăng khoa lục* quyển 1, tờ 13a. *Đăng khoa bị khảo* quyển *Hải-dương* sách Bác cổ, số a 485, tờ 48b viết là bộ *Chư gia tinh tuyển thi.*

21.— Nguyễn-công-Định, người xã Biền-hàn, huyện Thanh lan, phủ Tiên-hưng. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa quí-mùi, năm 1463. Làm quan đến Hộ-bộ thượng-thư, Sinh ra Nguyễn-quang-Tán: phụ tử đăng khoa *Đăng khoa lục*, quyển I, tờ 13a. *Đăng khoa bị khảo* quyển *Sơn-nam*, tờ 94; số a 1335, tờ 43a, viết là Hình-bộ thượng-thư. Bia Văn-miếu khắc là phủ Tân-hưng.

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0$85 cước 0$06

Gửi bằng tem (có) cũng được. Không gửi lối lĩnh hóa giao ngân

22.— Hạ-cảnh-Đức, người xã Địa-tang, huyện An-lạc, phủ Tam-đái. Hai-mươi-tám tuổi đỗ đồng tiến-sĩ xuất-thân khoa qui mùi, năm 1463. Làm quan đến Hình-khoa đô-cấp-sự-trung *Đăng khoa bị khảo*, thu thập thượng tờ 50b.

23.— Nhữ-văn-Lan, người xã Yên-tử-hạ, huyện Tân-minh, phủ Nam-sách. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa quí-mùi, năm 1463. Lúc mới, làm quan Lễ-khoa cấp-sự trung. Tâu xin những chức tiểu tổng kỳ ở mọi vệ, phải làm được chín năm trở lên, mới cho xung vào năm vệ ở điện-tiền. Làm quan đến Hộ-bộ thượng-thư. Sau phong làm phúc-thần. Là ông ngoại Nguyễn-bỉnh-Khiêm ở Vĩnh-lại *Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải-dương* tờ 75b

24.— Nguyễn-cư-Trung, người xã Hiền-dương, huyện Cẩm-giàng, phủ Thượng-hồng. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa quí-mùi, năm 1463. Làm quan đến thị-lang *Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải-dương*, tờ 28a.

25.— Nguyễn-văn-Thích, người xã Dương-trạch, huyện Đông-yên phủ Khoái-châu. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa quí-mùi, năm 1463. Làm quan đến Quốc-tử-giám tư-nghiệp *Đăng khoa bị khảo* quyển *Sơn-nam* sách Bác-cổ, số a 485 tờ 60 a, số A 1335 tờ 24b.

26.— Nguyễn-như-Trác, người xã Viên-đồ, huyện Kim-thanh, phủ Kinh-môn. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa quí-mùi, năm 1463. Làm quan đến tri-huyện *Đăng khoa bị khảo*, quyển *Hải dương* tờ 90b.

Còn nữa

Ông-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

Tra nghĩa chữ nho

Tiếp theo trang 8

trong ba năm phải lập sở đồn điền vua ban tờ chiếu rằng: đồn điền đặt ra để cho hết sức làm ruộng, nhiều thóc lúa chứa sẵn sai các xứ đồn-điền chia làm ba hạng: thượng trung hạ» *Lịch triều hiến chương*, sách Bác cổ số A 50, quyển 30, tờ 59. «Năm canh tuất 1790 tháng 11 vua Gia-Long khi còn làm chúa ban dụ các quan văn giai rằng: «Đạo trị nước lấy việc túc thực đủ ăn làm đầu: nếu thóc nhiều mà tiền bạc dư dụ, thì việc gì chẳng xong? Bốn dinh trong Gia-định, ruộng đất rất rộng trước kia quân lính chưa biết đến, đói kém luôn luôn, đến nỗi ruộng vườn bỏ hoang, dân không chịu làm ruộng, quốc-kế quân lương nguyên văn là *quân trừ* còn chưa đủ! Ôi đồn-điền là phép hay của đời xưa, nay muốn cử-hành chưa có qui củ các người vốn có tài giúp nước, ở ngôi nào phải lo toan về đức chính ấy cư kỳ vị tất mưu kỳ chính, nên đều đem qui thức điều trần đóng thành tập tiến trình trẫm sẽ chọn điều nào hay, đem ra thi hành», Liền sai lính các đội ở dinh Trung quân và thuyền các vệ đến khẩn ruộng ở Thảo câu, tên là đồn điền trại. Cấp cho trâu cày, cộ làm ruộng và các giống thóc, đậu, nếp. Đến khi gặt được, đều nộp nết vào kho lấy chức Tiền dực hiệu cai cơ là Nguyễn Bình trong nom việc ấy. Lại sai các nha văn võ mộ lập đội đồn điền mỗi năm cho nộp sáu hộc thóc. Người dân nào có thể mộ được từ mười người giở lên cho biệt lập trại ấy và cho trừ tên ở sổ chính quân.» *Đại Nam thực lục chính biên*, quyển 5 tờ 6 a 7 a.

Còn nữa

Ông hòe NGUYỄN VĂN TỐ

Phê-bình

« ĐỒNG BỆNH »

Kịch của Khái-Hưng

KIỀU THANH-QUẾ

ĐOÀN PHÚ-TỨ viết kịch vở tâm hồn một nhà thi-sĩ. Trong *Những bức thư tình* và *Mơ hoa*, trong hai tập kịch ngắn ấy, ta có thể tìm Đoàn phú-Tứ ở các nhân vật của ông, phần nhiều vui vẻ trẻ trung và rất lãng mạn.

Khái-Hưng viết kịch với bộ óc một nhà tiểu-thuyết, thích cái gì mới lạ, khả dĩ làm vui được độc-giả của mình. Từ *Tục lụy* đến *Đồng bệnh*, Khái-Hưng tạo ra những nhân-vật chẳng giống ông, mà giống những kẻ ông gặp-gỡ trên đường giao-tế. Nhân vật của Khái-Hưng không vui vẻ trẻ trung, không lãng mạn, mà có những tánh khí gàn dở, lố-bịch, buồn cười.

Kịch Khái-Hưng còn khác kịch Đoàn phú-Tứ ở điểm : *người đàn bà* là chủ-động trong kịch Đoàn phú-Tứ, trong khi *người đàn ông* đóng vai quan-trọng ở kịch Khái-Hưng.

Xem tập *Mơ hoa*, ta thích Bạch-Yến trong kịch « Táo quân », ta yêu Yến trong kịch « Xuân tươi », ta thương hai những cô gái già trong kịch « Gái không chồng » v.v...

Xem *Đồng bệnh*, hết Nghị Vấn rồi đến Thông Đán, cùng với nhau « đồng bệnh tương lân », gây nên lắm chuyện buồn cười. Hai ông là sui-gia với nhau. Sợ Nghị Vấn không gả con gái cho con trai mình, thì mất cho con trai mình một cái mỏ tốt, Thông Đán giả mắc bệnh *Neurasthénie* (bệnh suy nhược thần-kinh) như Nghị Vấn. Vì Thông Đán nghe mách rằng : « *cái bệnh ấy, ai mà đã mắc phải thì rất hay thương, hay yêu người mắc cùng bệnh với mình* » Thông Đán đau giả, đập chén, đập bát ; nhưng « *chỉ đập toàn những bát đĩa soàng thôi* ». Chớ cái lọ cổ, cái thống cổ, « *những thứ ấy hằng trăm bạc, ai dại gì mà đập !* » Thông Đán điên mà không dại. « *Điên khác, dại khác chứ* ». Thảo nào thằng Sùng chẳng phê-bình ông với con Thục rằng : « *Dễ ông điên khôn đấy, mày ạ !* »

Độc giả cũng như khán-giả đọc đến đây, xem diễn đến đây, sao khỏi chẳng nhếch một nụ cười.

Rải-rác trong *Đồng bệnh*, thường có những đoạn, những phút hái được nụ cười của độc-giả, của khán-giả na-ná như thế...

Thằng Sùng, đứa tớ trai, nhặt hết những mảnh vỡ của ông Thông Đán đập phá, « rồi nhấc thúng toan đi, bỗng chẳng nói chẳng rằng, cầm một mảnh ném xuống thềm gạch, tiếng kêu «xoảng». Thục, con tớ gái, kêu lên : « *Giời ơi ! cái gì thế, mày ?* » Sùng cười ngặt-nghẹo đáp : « *Tao đập lại một lần nữa, kẻo phí của giời* ».

Ở đây, người ta cũng có thể cười được...

« Ông Đán cầm hoa sang đôi lọ thanh tri mới mua bày vào chỗ hai cái lọ cổ, còn hai cái lọ này thì ông cất vào ngăn tủ giá, cửa gỗ, khóa lại, bỏ chìa vào túi — *Chết chửa, tí nữa quên* (ra đóng cửa vẫn khóa). *Khi bác Nghị sang bấm chuông, ta sẽ biết trước* (bày chén nhật bản ra bàn). *Hà tiện quá đi mất thôi, mua được có sáu cái thế này, thì đập được mấy hở ?* Có tiếng bấm chuông. Ông Đán giật mình vớ lấy cái chén và cái đĩa ném xuống đất. Bà Đán chạy ra : — *Sao thế ông ?* Ông Đán thét : — *Sao à ? sao à ?* (lại đập). Chuông vẫn kêu, bà Đán ra mở cửa. *Tiếng người đưa thư :* — *Có thư.* Bà Đán đóng cửa rồi cười đi vào : — *Rõ tên lừa ! Người đưa thư đấy, có phải bác Nghị đâu !* »

Ở đây, người ta lại cười. Và cười lớn tiếng nữa là khác !

∴

Trang kịch « Nhất tiếu » của tập *Đồng bệnh*, chưa đọc, chưa xem diễn, ai cũng tưởng vai chủ động hẳn phải là Bao-Tự — một người đàn bà ! Nhưng không, dưới ngòi bút kịch-sĩ của Khái-Hưng, Bao-Tự chỉ biết cỏ cười và thốt ra đôi lời vàng ngọc cực hiếm-hoi. Nhân vật hoạt động của Khái-Hưng ở kịch này lại là những người đàn ông : Cuồng-Sinh, Quác thạch-Phủ, Trịnh-Hữu, Y-Cầu, Tế-Công, v.v... Nhứt

Đón xem

Tôn Thọ Tường

một danh-sĩ đất Đồng-Nai (1825-1877)

KHUÔNG-VIỆT biên soạn

THIẾU-SƠN đề tựa,

« . . . *Một công trình có giá trị* « *về lịch sử và một tấm gương* « *tiết tháo để soi chung* ».

Nhà NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM

12, Rue Sabourain, Saigon

phát hành.

là Cuồng-Sinh, chàng ăn nói rất khinh thế ngạo vật. Nhưng thú-vị thay những lời khinh thế ngạo vật của chàng, dưới ngòi bút Khái Hưng :

« *Dạ, thành được cái nghề giả điên giả dại ấy cũng khó khăn lắm ạ. Cần phải học tập công phu chẳng kém gì làm công khanh* ». Cuồng-Sinh vừa dứt lời. Y-Cầu rút kiếm : — « *Quân này láo xược thực !* » Tế-Công giữ lại : — «*Hiền hữu chớ vội nóng* (bảo Cuồng-Sinh) *sao mày dám đem cái nghề điên rồ của mày ra ví với nghề cao quý của chúng tao ?* » Cuồng-Sinh hóm-hỉnh đáp : « *Dạ, cử chỉ ngôn ngữ của một bậc công khanh; Cuồng-Sinh này không rõ phải học tập trong bao lâu mới thuần thục, chứ trong nghề làm trò hề của, Cuồng-Sinh thì ít nhất phải ba năm ; khi nào nói một câu thực vô nghĩa mà thực nhiều nghĩa sâu xa, khi nào có một vẻ mặt thực sang sướng mà thực khổ sở, thực vui tươi mà thực đau đớn thì mới gọi được là sắp thành công* ». Cuồng-Sinh lại chửi xéo Tế-Công và Y-Cầu bằng những lời khuyên đầy châm biếm này « *Bây giờ hai đại công kéo nhau vào đứng trước mặt vương hậu* [*chỉ Bao-Tự*] *mà khóc, khóc nức, khóc nở khóc thế nào cho thực khéo, thực hẳm, như khóc cha mới chết vậy. Vương hậu tất phải thương sót và hỏi cái cớ đau đớn của hai đại công; hai đại công vừa khóc sẽ vừa tâu rằng khóc để làm trò cười cho Vương hậu. Như thế, chắc Vương hậu sẽ phải thương hại cho thân thế; hai đại công bật cười lên tiếng* ».

Trong kịch «Khúc Nghê Thường» của tập *Đồng bệnh* người thiếu nữ trong giấc mộng của Văn thốt ra bao nhiêu là lời tình tứ ! . . . Nhưng thú vị sao bằng lời *ông lão* bảo *Văn :* nhân cốt « *là đầy lòng ham muốn nhục dục. Điệu Nghê-Thường của cô nhân như trút cái thể chất nặng-nề lại cõi trần mà phiêu phiêu bay bổng lên trời xanh. Đằng này những điệu khiêu vũ của thày chỉ cốt để khêu gợi tình dục* ».

Tóm lại, dầu sao người đàn ông cũng đáng để ý hơn người đàn bà ở kịch Khái-Hưng.

Đồng bệnh là một hài kịch không lấy gì làm đặc sắc lắm (vả, kịch Khái-Hưng thì bao giờ cũng chẳng đặng đặc sắc !) nhưng, không đến đổi bị loại chung vào với các kịch của Vũ-trọng-Can !

Ngòi bút Khái-Hưng dồi-dào lắm ! Nhưng dồi-dào phải đâu đồng nghĩa với đặc sắc ? ! Khái-Hưng viết tiểu thuyết dễm tình, gia-đình : thành công, không ai chối cãi được Bắt sang lịch sử tiểu thuyết, tác giả *Tiêu Sơn tráng sĩ* vẫn còn đáng trọng hơn Lan-Khai.

Nhưng trong phạm vi kịch bản, chúng tôi không làm sao khỏi đặt Khái-Hưng dưới Vi-huyền-Đắc Đoàn-phú-Tứ !...

KIỀU THANH-QUẾ

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

«Bản-chức hết lòng trông cậy các người giúp Chính-phủ dựng lại nước Pháp làm cho nước Pháp thành một dân-tộc lớn, trung-nghĩa và lương-thiện ».

Hộp thư

Cùng các bạn đọc ở mấy tỉnh Bà-rịa, Mỹ-tho, — vì hai hiệu sách ở hai tỉnh ấy nhất định không chịu trả tiền cho nhà báo nên nhà báo đã thôi không tin họ mà gửi họ bán nữa Các bạn nên gửi thư ra nhà báo mua thẳng thì hơn.

Cùng ông đội trạm Tân-Phong *(Quảng-ngãi)*

Có mấy độc giả Tri-Tân phàn nàn không nhận được báo vì mấy người đưa thư báo làm ăn luộm thuộm: họ không chịu đem báo đến tận nhà người mua cứ tới làng rồi đưa cho người này người khác để bọn « vô giáo dục » không chịu bỏ tiền mua báo lại muốn có báo xem. Mong ông nên để ý đến việc này, nếu không chúng tôi phải trình nhà chức trách can thiệp.

TY TRỊ SỰ

Đêm khuya, nhời chiến-sĩ

(Lối thơ « một chân »)

Đầu hè ve sầu
kêu khêu gợi
buồn muôn nỗi.

Em có nhớ đêm
tân xuân phải
chia lìa vội ?

Em níu áo xiêm
khóc lóc: « Dạ
tơi bời quá ! »

Ta băn khoăn mà
thúc giục ngựa
xông vòng lửa.

MINH-TUYỀN

Đồng chiêm nắng gội.

Kho vàng ai rắc mênh-mông,
Trời xanh xanh ngắt, không lồng bóng mây.
Từng không chảy xuống tràn đầy.
Những giây óng-ả, phải đây thiên-đàng ?
Trần-gian lộng-lẫy huy-hoàng,
Thiên-tiên có lẽ mơ-màng xuống chơi.
Tơ lòng se lẫn tơ trời,
Áo xanh pha sắc sáng ngời hoàng-kim.
Sẵn đây dệt mộng êm-đềm,
Bồng-lai còn phải kiếm tìm đâu xa ?

CÔ CẨM-LAI

Mùa gặt

Lúa đã vàng hoe khắp cánh đồng :
Bao nhiêu kết quả của nhà nông.
Cấy cày khó nhọc hai sương, nắng,
Gặt hái đền bù một chút công.

Tự lúc vầng đông mới hé ra,
Đến khi ác lặn buổi chiều tà,
Ngoài đồng tới tấp người đi gặt.
Bên quán, rung rinh mùa lá đa.

Một đoàn gánh lúa trĩu hai vai,
Nối gót theo nhau mấy dẫy dài.
Cười, nói xen thêm câu ví - văn,
Mồ hôi nhễ - nhại vẫn khôi hài.

Trước nhà, thóc ướt giãi trên sân.
Gà mái, gà con xúm lại gần
Rỉa, bới hòng tìm nhiều hạt chắc,
Thấy người, sợ-hãi, lảng thưa dần.

Dưới gốc cây to, một đống rơm,
Lúa vừa mới cắt thoảng hương thơm.
Con trâu đến cạnh nhai vài nắm
Trong lúc người nhà mải nấu cơm.

VÂN - THẠCH

Đài hoang

« Các trang, đế tử kim hà tại ?
Hạm ngoại, trường giang không tự lưu ! » (1)
VƯƠNG-BỘT

Cỏ non mọc dài.
Rêu phong dấu hài (2).
Cây rung xào-xạc, bóng chiều phai.
Gạch tường, theo lá, lác-đác rụng.
Bên rào thấp-thoáng cánh dơi bay !

∴

Có ai mơ những tháp Chàm đỏ
Nhớ xưa con vua sống rực - rỡ ?
Có ai nghe tiếng sáo bên sông
Nghĩ đến bước cùng người Hạng-Võ ?

∴

Cỏ non mọc dài,
Buồn thêm âm-thầm !
Một con dê nhỏ
Vểnh tai đứng lắng chuyện ngắn năm...

∴

Ngoài hiên, sông dài nước chảy mãi
Về đâu cho gửi một lời thăm . . .

T.

---

1) « Con vua trong gác nay đâu tá !
Sông rộng ngoài hiên nước chảy xuôi »
(HOA-BẰNG)

2) Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu hài (N. D.)

Khuyên

Khi trời đã nhuốm huyền như óc rối,
Sao tinh thần tia sáng nháy rung - rinh,
Anh hãy thắp ngọn đèn, xua bóng tối,
Chiếu thư phòng và rạng trí thông-minh.

Cuộc mưu sống sau một ngày thoát rảnh,
Lúc thân anh được yên vị thảnh thơi,
Cửa trí - hóa hẹp - hòi tung cánh mở,
Kiến - văn liền như gió mát ùa hơi.

Mặc thiên hạ ngoài kia tìm khoái nhục,
Đi vùi thân trong những cuộc truy hoan,
Trong yên-tĩnh, anh cứ trầm ngâm đọc,
Trí trau - giồi là thuần túy hân hoan.

Đời người qua, trời ! ngắn-ngủi biết bao !
Mà biển học mãi vô cùng lớn rộng ;
Thời giờ tiêu như cánh rụng anh đào,
Châu báu mất nếu điên rồ lạm dụng !

Sách trăm chồng, ôi. nhất đẳng tri âm !
Hãy nâng những trang vàng, xem chữ ngọc.
Ghi tâm hồn muôn hiểu biết cao thâm,
Vườn trí tuệ, hoa thơm «Uyên bác» mọc.

Giấy êm nằm, thanh bạch giữ lòng trinh,
Đợi hàng chữ múa những đường long phượng,
Ý anh-hào choàng văn gấm long lanh,
Thú sáng tạo vô song rồi sẽ thưởng.

Học cho đời tăng đẹp, trí cao thêm,
Ham mê hưởng nguồn thú vui tinh-khiết.
Ráng văn tài vài tác-phẩm muôn đêm
Anh cung kính dâng kho tàng Đại-Việt ! . . .

TRẦN QUANG-VIÊN (Bến-tre)

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 2 của CHU-THIÊN

NGƯỜI đàn ông cười nói :

— Anh nói lạ ! có anh về hùa với chúng nó thì có.

Chủ quán sợ sệt đáp :

— Bẩm lậy tráng-sĩ, quả thật thế, con không giám nói sai. Cả vùng này ai ai cũng sợ bọn chúng. Bọn chúng tụ tập đến hơn ba mươi người, chỉ chuyên nghề đi ăn cướp

— Thôi được, anh nói thế ta cũng biết thế. Hễ chúng nó lại đây, ta nhờ anh bảo cho chúng nó biết rằng : Phải chừa cái thói du đãng ấy đi, nếu lần sau ta còn bắt gặp như thế, ta sẽ băm thây ra làm trăm nghìn mảnh. Nghe không ?

Chủ quán sợ rối-rít vâng :

— Bẩm lậy tráng-sĩ, vâng ạ !

Người đàn ông quay lại nói với phu-nhân :

— Thôi ta ra đi.

Phu-nhân và Tiểu-Lan lặng-lẽ theo lệnh đứng lên sách khăn gói đi ra. Vừa nghe được những nhời chủ quán đáp lại vị tráng-sĩ kia, hai người đều hết sức kinh sợ và thầm cảm tạ Giới Phật đã phù hộ dun-dủi vị tráng-sĩ từ-bi độ-lượng kia đến cứu thoát nạn. Tự nhiên, hai người quên hết cả cảnh khổ và nỗi nguy-hiểm mình đương trải qua, chỉ còn biết mến-phục kính trọng con người nghĩa hiệp ấy. Phu-nhân liền hỏi ngay :

— Thưa tráng-sĩ, quý danh ngài là gì ạ ?

Người kia tươi cười nói :

— Tên tôi à ? Tên tôi là *Người ưa thẳng* !

Phu-nhân cũng cười nói tiếp :

— Không ! tên thật của ngài kia, tên hai cụ đặt ra cho ngài kia.

— À, cái tên thường ấy, cụ không cần phải biết.

— Thưa tráng-sĩ, chúng tôi cần biết lắm chứ, để nhớ đến một vị ân-nhân đã cứu mình thoát vòng nguy-biến.

— Ồ, nếu thế thì cụ chả cần biết, biết làm chi cho thêm bận...

— Thưa tráng-sĩ, người chịu ơn bao giờ cũng muốn nhớ đến tên vị ân-nhân.

Người kia cười đáp :

— Vậy thì người ấy không có tên !

Phu-nhân cũng phải cười tiếp :

— Thưa tráng-sĩ, sao người quá khiêm-tốn ẩn-danh làm vậy. Không biết được quý-danh, chúng tôi xin ngài cho biết quý-quan để lòng được luôn luôn tưởng nhớ đến vậy.

Người kia lại cười đáp :

— Tôi ở trên đất nước Đại-Việt.

Phan phu-nhân nói :

— Tráng sĩ dạy vậy, thì chúng tôi còn biết nói sao được nữa.

Người kia liền hỏi lại phu-nhân :

— Tôi xem ra cụ và cô em không ra vẻ đi chơi. Chắc là đi có việc gì ấy ?

Thấy hỏi đột-ngột, Phan phu-nhân sợ hãi, không giám nói gì, ngần-ngừ một lúc rồi mới nói lại :

— Bẩm sao tráng-sĩ lại hỏi thế ?

— Tôi thấy cụ đi không quen đường lối và cứ ra vẻ sợ sệt một điều gì ấy.

— Dạ, đấy là mẹ con tôi hãy còn sợ bọn cường-bạo lúc nẫy đấy ạ. May lại gặp ngài...

— Không phải, đằng này cụ có vẻ lẩn lút như là đi trốn, chỉ sợ lộ tung-tích...Có điều gì khổ-tâm. có việc gì nguy-khốn, cụ cứ nói thực với tôi, tôi có thể giúp được gì thì tôi giúp. Bằng không, việc đâu bỏ đấy, tôi không hại ai cả.

Cảm lời nói thành thực và lòng tử-tế của tráng-sĩ, Phan phu-nhân liền nói qua rõ cảnh-ngộ mình nhưng vẫn lựa lời giấu-giếm ít nhiều sự thực.

— Thưa tráng-sĩ, ngài đã có lòng thương như vậy, và chúng tôi lại chịu ơn nặng cứu thoát của ngài, chúng tôi không dám giấu giếm. Nguyên chồng tôi làm Thượng thư đã hồi hưu, về ở Sơn-nam, chúng tôi được có mỗi một đứa con gái. Con giai quan Đô-đốc kinh thành đến hỏi Châu còn bé, chúng tôi chưa dám nhận nhời. Cậu ấy liền đem quân đến cướp đốt, chẳng may con tôi chết chay mất. Rồi cậu ấy còn nói với quan đô-đốc tâu lên vua thế nào ấy cho chồng tôi bị bắt giải Kinh, còn nhà cửa bị sung công, mẹ con tôi bị đuổi đi.

Người kia lẩm-bẩm nói :

— À, lại vẫn do con khỉ sám cả. Tội nghiệp, thế cô này cũng là con cụ lớn ?

— Không, cháu là con nuôi đấy ạ. Tôi bị đuổi đi, đến nhà quen bên nội, bên ngoại, họ đều sợ liên lụy đến họ, họ không dám cho ở, nên phải lưu-lạc đến đây.

— Thế bây giờ cụ lớn định đi đâu ?

— Dạ, mẹ con tôi cũng cứ đi. Gặp được nơi nào tử-tế thương người thì chúng tôi lưu lại nương nhờ người ta...

— Khó lắm cụ lớn ạ. Biết ai là người tử tế mà tìm vào ! Chi bằng bây giờ cụ lớn cứ vào các nơi chùa chiền mà xin ở nhờ. Cửa Phật từ bi, rất hay cưu mang những người lỡ bước. Tôi rất lấy làm áy náy không giúp được cụ lớn lâu dài, bởi vì tôi cũng lông bông nay đây mai đó...

Phu-nhân nói :

— Ấy thầy tráng-sĩ nói, tôi mới nhớ ra tôi có một người anh em họ tu ở vùng này, để tôi đến tạm trú ở đấy may ra được yên thân.

— Bẩm cụ lớn, nếu được thế tốt lắm. Vừa là chỗ anh em, vừa là nơi cửa Phật, thì không còn sợ gì nữa. Bây giờ tối rồi, cụ lớn cùng cô em nên vào trong làng này nghỉ nhờ để mai ra hỏi thăm đến chùa thì tiện hơn.

— Bẩm vâng, thưa tráng-sĩ dạy rất phải. Bẩm ngài cũng vào nghỉ chứ ?

— Vâng, tôi còn xem có nên ở lại hay nên đi.

— Ở lại nghỉ một tối lấy sức mai đi thì hơn, ngài ạ.

Ba người cùng rẽ vào làng. Người đàn ông kia tìm đến nhà ra vẻ hảo-phú sang-trọ[illegible] hai mẹ con phu-nhân y[illegible] chờ một đêm. Tron[illegible] tráng-sĩ nói vui vẻ, và[illegible] cụ già hiền hậu, với [illegible] khôi ngô đẹp đẽ, liền ưng [illegible] ngay. Nhà chủ lại làm cỗ đãi cả ba người rất ân-cần [illegible] Người đàn-ông nghĩa-hiệp kia mải nói truyện vui-vẻ không kịp nghĩ đến đi nữa, cũng lưu lại ở đấy đợi sáng ra mới lên đường. Đêm đã khuya, mọi người đều yên ngủ cả, bỗng hồng bật sáng rặc chiếu vào sân và cửa nhà, rồi tiếp đến tiếng kêu :

— Cướp ! Ối làng nước cướp ! Ối làng nước ôi ! Cướp ! Ối làng nước ôi !

Phan phu-nhân và Tiểu-Lan tuy lạ nhà nhưng đi mệt, vừa chợp mắt ngủ, thấy động cũng vội choàng giậy, lật đật chạy đi tìm vị tráng-sĩ vô-danh kia. Ra đến sân trông thấy người kia đương cầm đòng đứng chiến ở cổng, cản lối không cho quân cướp tiến, hai mẹ con hơi yên tâm, đứng nép vào bờ rào để chứng kiến cuộc kịch-chiến quyết liệt ấy. Ở trong nhà mọi người đều đã chạy ra ngoài cả. Đàn bà con trẻ thì hết sức kêu gào để khua thức dân làng đến cứu. Những lực điền và ông chủ nhà thì chạy ra cầm gậy cầm đinh ba giúp sức tráng-sĩ đánh lại quân cướp. Bên cướp cứ từng đứa từng đứa vác mộc che mình để sông vào phá cổng, nhưng đều bị ngon đòng lợi-hại của tráng sĩ vô-danh kia đâm cho bị thương và lại cứ từng đứa từng đứa vác mộc hay quăng mộc, chạy ngang chạy tắt lui ra. Trống ngũ-liên đã lên tiếp nổi giậy, và từ-và của tuần các làng tiếp giáp đã đua nhau rúc để thúc các dân làng đến tiếp cứu. Bọn cướp phải đánh tháo lui. Nhưng rút cục cũng phải để lại một tên bị vây bắt sống. Khi bọn cướp đã đi khỏi rồi, ai nấy đều phải khen ngợi vị tráng-sĩ vô danh kia đã can-đảm hăng-hái xông ra trước, cản được quân [illegible]ớp : Người ta thì nhau hỏi đến [illegible] quê quán và cả đời sống [illegible]ời ấy phải nói huyên-[illegible]i những câu hỏi hiếu [illegible]ười. Chủ nhà lúc [illegible] mồm nói cám ơn : [illegible]ả không có tráng-[illegible] khách đây, thì nhà tôi khó [illegible]ng mà đánh lại bọn cướp. Chúng nó đông quá, đến ba bốn mươi đứa, mà một mình tráng-sĩ cản lại được hết đứa nào xông vào là cũng bị thương !

Mọi người đều khen :

— Tráng-sĩ thật là thần-vũ.

Rồi người ta lại đua nhau ra xem mặt tên cướp bị bắt trói ở gốc cau giữa sân. Mỗi người nhìn qua rồi buông một câu khinh-bỉ. Phan-phu-nhân và Tiểu-Lan cũng chạy ra xem. Thoạt trông thấy mặt tên cướp, phu-nhân bỗng giật-mình dắt Tiểu-Lan chạy lại gần vị tráng sĩ, khẽ nói :

— Thưa tráng-sĩ, kẻ bị bắt kia là tên hung-đồ đã chực hành-hung với mẹ con tôi lúc chiều ngoài quán.

— Vâng, thưa cụ lớn Chúng nó theo ta đến đây, nên mới dắt nhau đến đây định đánh báo thù.

— Và để cướp lấy con bé Tiểu-Lan của tôi, nếu không có tráng-sĩ,

— Bẩm cụ lớn, bắt tất phải nghĩ như vậy. Gần sáng rồi, cụ lớn hỏi thăm xem nhà sư ở chùa nào, để mà tìm đến, chứ cứ lang-thang thế này, tôi sợ nguy hiểm cho cụ lớn và cô em lắm.

— Thưa tráng-sĩ, vâng ạ. Tôi cũng nghĩ vậy. Nhà sư ở đâu chùa Giác-ngộ và đạo hiệu là Chân Giác thiền-sư.

— À, chùa Giác-ngộ thì cũng gần đến nơi rồi. Sang qua đò sông Nguyệt-đức này, đi một thôi đường là đến chùa. Chùa ở ngay dưới chân đồi. Để tôi đưa cụ lớn đi.

— Vâng, xin đa tạ tráng-sĩ.

Còn nữa

CHU THIÊN

Muốn trở nên một ngòi bút...

Tiếp theo trang 4

sử học », « làng sách quốc học », cho ra những cuốn sách — nói cho đúng — có tính cách lòe đời hơn là giúp đời, vì tác giả nó chỉ « lõm bõm » chữ nho mà ngang nhiên chực đi sâu vào đất chết !

Người ta phê bình : Tản-Đà thất sách vì nước ngâm đề can, cố đeo đẳng lấy tờ tạp chí An-nam Vũ Trọng Phụng quá tham vì mượt địa hạt phóng sự, bước sang địa hạt tiểu thuyết ! Những lời phê bình ấy, tôi cho không phải là không xác đáng.

Chúng ta không nên ép nhà học giả Lê Quý Đôn phải có một tác phẩm như truyện Kiều ; cũng đừng nên mong ở thi sĩ Nguyễn Du « để » được những áng văn hùng như hịch tướng sĩ *văn của Trần Hưng Đạo, thơ* cảm hoài *của Đặng Dung và bài* Bình Ngô đại cáo *của Nguyễn Trãi...*

HOA - BẰNG

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

mới phát hành

THI-THOẠI

Dầy non 300 trang giá 2$00

Son auteur, Văn-Hạc, est connu pour son esprit critique, aussi ce recueil abonde-t-il de détails, d'anecdotes, de notes et de commentaires variés . . . (L'OPINION n. 3.560 du 12-6-42)

ĐANG IN

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

Đã được cụ Nguyễn văn-Tố và nhiều báo chí Pháp Nam ngợi khen

ĐẠO SỐNG

Nghiên-cứu và phê-bình các chủ nghĩa luân lý triết học Đông Tây

Đặt sách, mua sách do nơi LÊ VĂN-HÒE giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ 16 bis TienTsin HANOI

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM

Trịnh - Như - Tấu :

1 — Hưng yên địa chí 0p.80
2 — Bắc giang địa chí 1.50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40

Đều có bán tại Đông Tây thư quán

195 Phố Hàng Bông—Hanoi

Các bạn cầu may !

bỏ 1 đồng

mua vé số

Đông-Pháp

[illegible]t đầu không trúng [illegible]c đắc 10 vạn

CHÚ Ý

Các bạn mua báo và các đại-lý gửi tiền về trả cho, đa tạ. T[illegible]

SẮP IN XONG

CHỮ NHO HỌC LẤY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

ĐÔNG-TÂY thư quán, 195 hàng Bông Hanoi xuất bản

Mỗi quyển giá 1p00 cước 0p18 —

Các hiệu sách các nơi nên đặt mua từ bây giờ

[illegible] mái Tiến Lợi

[illegible]ôn lành

Và lơ Tiến Lợi

nổi danh ở đời

Bốn trăm linh bảy Bạh-mai. Hỏi thăm cho đến tận nơi mua dùng

HÀNG MAY ÁO ĐI MƯA

Bằng lụa hoặc vải rất đẹp, nhẹ, bền, không ngấm nước, ra nắng to, vào nước sôi cùng ít sắng đều không chầy, không bao giờ dính quần áo.

Có đủ các mầu — Giá rất rẻ

do ETABLISSEMENT B T M chế tạo

Cần đại lý khắp mọi nơi

Viết thư về bureau de l'Établissement thương lượng cùng M. BÙI TÙNG-MẬU.

N. 36, Rue du Charbon Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi